

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG ĐẠT LƯỢT ƯU ĐÃI ALEGOLF THÁNG 4/2026 XÉT TRÊN DOANH SỐ GIAO DỊCH THÁNG 3/2026

STT	04 số cuối thẻ	Tên khách hàng	Số lượt đạt mới Tháng 4.2026	Số lượt tích lũy đến Tháng 4.2026
1	0002	NGUYEN HUONG GIANG	3	8
2	0004	TAO THU THUY	1	4
3	0005	TRAN THANH THANG	1	1
4	0014	NGUYEN TAT THANG	1	1
5	0017	VO THI THUY TRANG	3	8
6	0019	NGO PHAN CONG DUC	2	8
7	0020	TRUONG VU THANH	1	4
8	0021	NGUYEN DUY QUI	1	1
9	0023	LE HOANG THI THU THAO	1	3
10	0025	NGO VAN HA	1	2
11	0029	NGUYEN THUY LINH	2	2
12	0033	BUI QUOC VIET	1	3
13	0035	HUYNH DAT CHI	1	1
14	0038	MAI TUAN KIET	1	4
15	0038	DO THANH HOAI	1	3
16	0039	TRAN THI MINH NGUYET	1	3
17	0040	LE TAT TUNG	1	3
18	0053	NGUYEN DINH QUYET	1	3
19	0054	LE THAI NHU	2	2
20	0058	DO HUU NGHI	2	5
21	0060	LE UYEN PHUONG	1	3
22	0061	NGUYEN DUY	2	4
23	0062	NGUYEN TIEN QUAN	1	3
24	0062	TRAN THU HA	2	4
25	0067	PHAM THI LIEU	1	3
26	0074	LUC THI BICH TUYEN	1	3
27	0081	NGUYEN THI THANH THU	3	6
28	0084	HUYNH THI YEN NHI	2	4
29	0086	TRAN THI BACH LINH	1	3
30	0088	VIEN NGOC MAI	1	3
31	0090	NGUYEN DINH LAM	3	3
32	0092	TANG THANH HIEU	1	2
33	0097	NGUYEN QUANG TRUNG	1	1
34	0103	TRAN THI YEN NHI	1	2
35	0111	NGUYEN NGOC ANH	2	6
36	0113	NGUYEN THI THUY TRANG	2	5
37	0113	PHAM THI HONG TRANG	2	3
38	0116	TRUONG NGOC KIEM	1	1
39	0129	NGUYEN DUONG HONG MINH	1	3
40	0129	TO NGOC THIEN	1	3

41	0144	NGUYEN THI MINH HOA	2	5
42	0150	VU VIET TUNG	1	1
43	0159	NGUYEN TRUNG KIEN	1	3
44	0160	LUU QUOC ANH	1	1
45	0163	NGUYEN THI THUY	1	1
46	0164	TANG CHIEU MINH	1	1
47	0167	DO QUOC AN	3	9
48	0170	LE THI NIEM	3	9
49	0177	NGUYEN THI PHUONG THUONG	2	5
50	0180	NGUYEN DINH PHONG	2	4
51	0181	TRUONG VAN GHE	2	6
52	0188	HOANG THE GIANG	1	3
53	0189	BUI ANH TUAN	1	3
54	0194	NGUYEN VAN AN	1	2
55	0208	NGO MY NHI	1	2
56	0208	NGUYEN THI NHUNG	1	1
57	0208	PHAN NGOC ANH	1	3
58	0218	PHAM DUC VIET	2	4
59	0227	DO DINH CHAT	2	6
60	0228	TRUONG VAN TRON	2	5
61	0228	NGUYEN LE ANH	2	2
62	0230	NGUYEN THANH TUNG	2	3
63	0238	HOANG NGO VIET HA	1	4
64	0240	NGUYEN TIEN HUNG	1	3
65	0242	NGUYEN KIM SON	1	1
66	0249	PHAM HONG DOANH	2	4
67	0253	NGUYEN THI TUYET HANH	1	3
68	0253	NGUYEN QUOC BAO	2	2
69	0258	TRAN ANH THU	1	3
70	0262	QUACH VAN DIEN	2	4
71	0269	HOANG THI NHUNG	2	3
72	0272	NGUYEN THI TRAM	2	3
73	0273	THAI QUOC DIL	3	9
74	0273	VU THI MY TRINH	1	4
75	0274	HO DIEU LINH	2	3
76	0276	DO MINH DUC	1	3
77	0280	LE THI TU TAM	1	3
78	0283	NGUYEN VAN DUNG	3	9
79	0290	VU THUY OANH	1	1
80	0296	NGUYEN THI NHU QUYNH	1	3
81	0296	PHAM THI ANH	2	6
82	0302	NGO THI THUY NGA	1	3
83	0303	DUONG THI MAI	2	6
84	0306	CHUNG QUANG DANG	1	1
85	0314	PHAM BA TAI	3	7
86	0316	TRAN THI HOE	1	3
87	0321	NGUYEN HO CHIEU LINH	1	1
88	0327	LE KHANH THU	2	4
89	0327	LE VIET TUAN VU	1	3

90	0334	TRUONG NGOC TUONG	3	5
91	0335	TRAN THI KHA	1	3
92	0335	LY TAN PHAT	1	1
93	0338	DAO QUANG TUAN	1	3
94	0343	LE HOANG TRUNG	2	2
95	0346	NGUYEN LE MINH HUYEN	3	6
96	0348	MAI GIA HUY	1	1
97	0360	LE THI DANG KHOA	2	5
98	0360	NGUYEN THANH HA	1	1
99	0361	NGUYEN TRUONG SON	1	3
100	0364	TRUONG DINH HAI	1	2
101	0366	PHAM THI THU LINH	2	3
102	0366	NGUYEN THI YEN	1	3
103	0368	NGUYEN THI HAI BINH	1	5
104	0375	NGUYEN THI LE HUYEN	1	2
105	0382	NGUYEN THI THANH THAO	1	1
106	0383	NGO KIM PHUNG	1	2
107	0385	NGUYEN THI MAI CHI	3	8
108	0386	TRAN CHI DUY	1	1
109	0386	CAO THI NHUNG	1	1
110	0388	DANG MINH NGOC	2	5
111	0391	PHAM THUY QUYNH	2	3
112	0396	TRAN VAN HIEN	1	3
113	0399	LUU QUANG TUAN	1	3
114	0406	MAI THI THANH VAN	1	2
115	0407	BUI DUC DUY	2	3
116	0410	NGUYEN CAO KY	1	4
117	0411	LE NU QUYNH NGA	1	3
118	0413	NGUYEN THI PHUONG HIEN	2	6
119	0414	PHAM THI MAI	1	3
120	0416	NGUYEN XUAN HUY	1	2
121	0416	NGUYEN THI THU	1	2
122	0417	TRAN NGOC BICH	2	3
123	0420	LE QUYNH TRANG	1	1
124	0422	VU TRAN GIANG NAM	1	1
125	0425	DANG THI QUI NGAN	1	3
126	0429	TRUONG CONG HA	2	6
127	0430	BANG HONG HA	1	3
128	0432	NGUYEN VAN KHOA	1	2
129	0434	NGUYEN VAN VI	1	2
130	0437	HUYNH TRUNG THONG	1	4
131	0442	TRAN THI HUONG	1	3
132	0451	LE JONATHAN MINH	2	3
133	0460	NGUYEN THI PHUONG THAO	2	3
134	0470	HA CAM HA	1	2
135	0471	TRAN THI THANH TAM	1	3
136	0471	NGUYEN PHUONG LINH	2	3
137	0473	TA THANH LUC	1	3
138	0474	NGUYEN THANH HUYEN	2	2

139	0476	PHUNG THI BICH TRAM	2	6
140	0478	PHAM THI THU HA	1	1
141	0479	PHAN THI KIM ANH	2	5
142	0486	HOANG HAI ANH	2	3
143	0490	PHAM DUY ANH	2	7
144	0498	DIEP NGOC NHAT	1	5
145	0502	DINH VAN THI	1	4
146	0508	NGUYEN THI THUY NHIEN	1	1
147	0517	BUI THI BICH THUY	2	3
148	0517	NGUYEN QUOC THIEN	1	2
149	0518	NGUYEN TRONG HAO	1	3
150	0537	TRAN THU THUY	3	5
151	0542	HA DUY PHUONG	2	4
152	0542	DO THI NGOC BICH	1	1
153	0553	HUYNH HONG ANH	1	3
154	0554	LE THANH THUAN	1	2
155	0557	NGHIEM VAN MANH	2	6
156	0560	VO THI NHIEN	2	3
157	0561	NGUYEN DIEU LINH	1	2
158	0565	HONG VIET DUNG	1	3
159	0565	TRAN THI SONG NGUYET	1	1
160	0567	DUONG THI XUAN LAN	1	3
161	0567	NGUYEN THI KIEU LINH	1	2
162	0575	PHAM THI THOM	3	9
163	0580	TRINH THU PHUONG	2	6
164	0582	NGUYEN TAN DO NI	1	1
165	0585	LE TRAC VIET VUONG	2	6
166	0594	NGUYEN THI NGOC HANH	2	2
167	0596	NGUYEN XUAN TRUONG	1	1
168	0597	NGUYEN KHANH LY	1	1
169	0601	LE HUYNH SONG HAN	1	3
170	0606	VO THI BANG SUONG	1	3
171	0615	DO THI LAN HUYEN	1	4
172	0633	NGUYEN DOAN LINH KIET	2	2
173	0634	LE THI QUYNH AN	2	5
174	0636	NGUYEN THU TRANG	2	5
175	0652	LE HOANG ANH	2	3
176	0662	VU VAN HOAN	1	3
177	0666	TRAN LE THI	1	3
178	0672	TRAN VIET CUONG	1	2
179	0673	NGUYEN TRUNG TUAN ANH	1	2
180	0684	NGUYEN THI NGA	2	3
181	0685	PHAN THI THUY	3	9
182	0686	BUI THANH LIEM	1	2
183	0689	BUI THI THANH BINH	2	3
184	0690	MAI VAN TIEN	2	4
185	0690	NGUYEN THI THAO NGUYEN	1	1
186	0696	LE THI THUY LINH	1	3
187	0703	TAO QUOC THANG	1	3

188	0704	NGUYEN HUYNH THU TRUC	1	2
189	0705	NGUYEN THOAI DUY	1	2
190	0706	LUONG THI THUY	1	3
191	0707	NGUYEN DINH MINH PHU	2	4
192	0708	DUONG HOAI AN	1	1
193	0713	LE KIEU MI	1	2
194	0713	BUI THANH HAI	1	1
195	0719	NGUYEN HUY HOANG	1	1
196	0724	THANG HUYEN ANH	2	4
197	0726	HO VIET THAI	1	3
198	0726	DUONG THI HOA	2	6
199	0729	NGUYEN QUOC ANH	2	3
200	0733	NGO QUYNH CHI	1	1
201	0736	NGUYEN HONG THE	2	2
202	0739	HO THI KIM LOAN	1	1
203	0746	BACH VUONG QUOC	1	3
204	0749	LE THU HANG	1	2
205	0753	LE THUY TRANG	2	3
206	0753	NGUYEN DUY QUANG	2	4
207	0757	HOANG THI HANG	2	6
208	0758	PHAM NGOC HIEN	1	3
209	0758	VUONG HOAI PHUONG	1	3
210	0759	NGUYEN BAO TIEN	1	1
211	0769	DANG QUANG DAO	2	8
212	0773	HOANG HA PHUONG	2	8
213	0776	TONG PHUONG CHI	1	2
214	0776	LE THI THU HUONG	1	3
215	0778	DINH LE MY TRANG	1	1
216	0779	TRAN NAM TRUNG	2	6
217	0780	TRAN QUOC DUOC	3	6
218	0781	MAI XUAN VU	1	3
219	0784	NGHIEM THANH HUYEN	2	8
220	0784	PHAM THI NHU TRUC	1	3
221	0787	TRAN HUY VU	2	4
222	0795	NGUYEN THI DONG	1	3
223	0801	LY THONG	1	1
224	0806	NGUYEN HANH LINH	2	3
225	0817	LE QUOC HUNG	2	6
226	0818	TRINH MANH LINH	1	3
227	0819	TRAN DUNG TIEN	2	2
228	0826	LE XUAN LONG	1	3
229	0826	NGUYEN CONG THAO	2	2
230	0841	PHAN THI PHUONG THAO	2	3
231	0842	PHAN THI LY	1	3
232	0845	DU THI KIM DUNG	1	3
233	0849	NGUYEN THI HUYEN	1	1
234	0849	NGUYEN THI LAN HUONG	1	1
235	0852	NGUYEN PHUONG QUY	2	4
236	0852	NGUYEN THI THANH VAN	1	3
237	0857	NGUYEN THI MINH TRUC	1	1

238	0866	DO THI LINH	1	2
239	0870	NGUYEN THI BI	1	3
240	0870	PHAM NGOC DUY	2	6
241	0870	HO THI HUYEN MI	1	1
242	0875	LUONG NGUYEN DUY THAI	1	1
243	0878	LE TUONG LAP	2	3
244	0886	TRAN PHUOC HANH NHAN	1	3
245	0896	VU THI QUE LAM	1	1
246	0908	DAO THUY HANG	3	3
247	0908	LE MINH QUAN	1	3
248	0914	NGUYEN KHANH LINH	1	3
249	0915	TRUONG VIET THANH	1	3
250	0923	KHUAT THI THU THAO	1	3
251	0926	TRINH DUC HUNG	1	2
252	0927	PHAN THI NGOC LY	1	2
253	0935	NGUYEN HUU CHINH	2	4
254	0939	LUONG MY HANH	3	9
255	0945	NGUYEN VAN BAO	2	5
256	0947	HO THI MINH PHUONG	1	2
257	0949	NGUYEN QUANG DAN	3	6
258	0953	NGUYEN ANH TUAN	2	6
259	0953	LE QUANG DAM	2	3
260	0959	VU THUY HANG	1	3
261	0959	DAM THI HOP	2	3
262	0960	HO THI DOC LAP	2	3
263	0971	TRAN THI TAM	3	6
264	0974	NGUYEN THI DUNG	3	8
265	0991	LE HOANG LONG	1	2
266	0993	HUYNH LE LE	1	3
267	0996	NGUYEN THANH HIEU	1	3
268	1002	PHAM THANH THUONG	2	3
269	1003	TRAN TRUONG GIANG	2	5
270	1008	NGO THI LAY	1	4
271	1008	NGUYEN THI MY THE	1	4
272	1010	KHUU THI THU HUONG	1	2
273	1011	CHUNG THU PHUNG	3	8
274	1014	NGUYEN XUAN LUU	1	3
275	1017	NGUYEN THI BICH THUAN	2	4
276	1019	TRAN QUANG THANH	1	2
277	1021	NGUYEN THI KIM TOAN	1	3
278	1022	NGO THANH PHUONG	1	2
279	1035	LE THI DIEU NGOC	3	8
280	1039	CU ANH QUAN	1	3
281	1039	DANG DINH DAT	1	1
282	1043	DANG THI HUYNH THUONG	1	4
283	1044	PHAN DUC ANH	1	1
284	1045	NGUYEN TRAN TRA MY	2	3
285	1051	NGUYEN QUOC DUNG	2	3
286	1060	TRAN LE HONG CAM TU	1	1
287	1060	LE DUY BINH	1	2

288	1062	NGUYEN VAN PHA	2	2
289	1074	NGUYEN THI HONG NHUNG	2	2
290	1080	LE XUAN HUNG	1	3
291	1083	NGUYEN THAO NHI	2	6
292	1092	NGUYEN DUC KEN	1	1
293	1101	NGUYEN THI THUY LINH	1	2
294	1102	PHAM HONG NHUNG	1	1
295	1106	DINH THI THU HUONG	1	3
296	1110	NGUYEN NGOC PHU	3	5
297	1118	NGUYEN THU HA	1	1
298	1122	TRUONG TAN NGON	1	2
299	1126	DAO THANH NGA	1	1
300	1132	TRUONG PHUOC THANH	2	3
301	1140	NGUYEN THI CAM TU	2	6
302	1143	NGUYEN VAN DONG	3	9
303	1146	NGUYEN THANH THOI	1	3
304	1150	NGUYEN THI HAO	3	8
305	1151	NGUYEN DAC MINH	1	2
306	1161	LE QUOC VIET	2	8
307	1165	DINH TUAN ANH	1	3
308	1166	NGUYEN TUAN ANH	1	5
309	1171	TRAN THI BICH THUY	1	3
310	1184	TRUONG THI LIEU	3	9
311	1187	NGUYEN TRONG NGHIA	1	1
312	1188	HUYNH ANH KHANH VY	1	1
313	1199	LE THI DIEU THUY	1	1
314	1201	TO THANH NHAN	1	3
315	1201	TRAN HAI DANG	3	6
316	1206	NGUYEN GIA DOAN	2	6
317	1208	CHU VAN AN	2	6
318	1210	LE THI MINH NGUYET	1	2
319	1218	LE THI NGUYET	2	6
320	1220	BUI XUAN VINH	1	1
321	1224	PHAM THI HAI VAN	2	3
322	1235	LE THI THANH TAM	2	4
323	1236	WANG HONG VAN	1	3
324	1236	NGUYEN THI YEN	1	1
325	1244	LE TUAN ANH	1	1
326	1245	NGUYEN THI TINH	1	3
327	1245	TANG TUYET MINH	1	2
328	1247	NGUYEN TRONG VAN	1	3
329	1249	PHAM VAN DUONG	1	3
330	1259	NGUYEN THI PHUONG	1	3
331	1262	NGUYEN HOA BINH	2	6
332	1270	DU GIA VAN	1	1
333	1276	HOANG THI LAN ANH	1	4
334	1276	DANG BAO NGAN	1	3
335	1279	LE THI HAI YEN	1	1
336	1283	NGUYEN MANH HAI	1	3
337	1288	DINH NGOC SON	1	3

338	1289	NGUYEN TRUONG GIANG	1	3
339	1296	PHAM GIA LONG	1	2
340	1297	NGUYEN HONG NHUNG	1	2
341	1299	PHAM GIANG LINH	1	2
342	1303	PHAN THI THU HOA	1	1
343	1308	NGUYEN THI THAO	2	3
344	1312	NGUYEN HUU HAU	1	2
345	1318	TRAN HUU PHUONG	2	4
346	1322	MAI THI LIEN	1	3
347	1323	NGUYEN THU THUY	1	3
348	1330	NGUYEN HUU TOAN	1	3
349	1332	NGUYEN THI TUYET NHUNG	2	3
350	1337	LE THI THU HANG	2	2
351	1345	HOANG NHAT HUNG	1	1
352	1361	PHAM TRUONG GIANG	1	1
353	1367	NGO VIET CUONG	1	3
354	1368	NGUYEN XUAN QUANG	2	8
355	1369	DO THI XUAN LOC	2	5
356	1375	DUONG MINH THANH	2	3
357	1375	LY THI HIEN	1	4
358	1377	AU THI NGOC THUY	1	2
359	1386	PHAM THI KIM MAI	3	9
360	1400	NGUYEN THI THU HOAI	1	2
361	1405	DANG HUY TOAN	1	1
362	1405	HO THI HONG NHI	2	5
363	1406	TRAN THI XUAN LOC	2	3
364	1416	VU THI THU HUYEN	1	3
365	1417	NGUYEN THI NHAN	1	3
366	1422	PHAM VAN LONG	1	4
367	1434	BUI NGUYEN MAI UYEN	1	3
368	1436	TRAN THI HOAI TRINH	2	4
369	1439	BUI THE NGUYEN	1	1
370	1443	NGO KIM CHI	1	1
371	1445	NGO HUYNH MINH UY	3	4
372	1446	BUI MINH CHINH	1	1
373	1450	TRAN TRONG CAN	1	2
374	1453	NGUYEN DOAN ANH THI	2	5
375	1455	VO THANH LUON	1	1
376	1470	NGUYEN CONG DOAN	1	2
377	1476	TRUONG MINH KHIET	2	6
378	1478	PHAM NGOC PHUONG TRINH	2	4
379	1481	LAM THE QUYEN	1	2
380	1489	NGUYEN THI THU LANH	1	1
381	1492	VU VAN LONG	1	4
382	1493	LE THI HONG NHUNG	1	3
383	1493	NGUYEN VAN THANH	2	4
384	1496	DOAN THI THU THUY	2	4
385	1502	DANG THI KIM OANH	2	6
386	1509	NGUYEN MINH QUYEN	1	1

387	1511	DUONG TAN HOA	3	3
388	1516	NGO NHAT DUY	1	4
389	1531	NGUYEN QUOC PHUNG	2	3
390	1532	TRAN THI XUAN MAI	2	3
391	1534	NGO DANG HOAN	1	3
392	1537	NGUYEN THANH HUNG	1	1
393	1542	TRAN THANH TRUNG	1	3
394	1553	DINH THI MINH	1	2
395	1570	NGUYEN CONG DUC	1	1
396	1574	TRAN THU HIEN	1	2
397	1579	TRAN THI THU HUONG	1	2
398	1587	LE THI ANH	1	1
399	1594	HA THI THUY	2	8
400	1598	NGUYEN NGOC THANH	2	6
401	1600	DAO THI TAM	1	2
402	1609	TRAN THI TUYET	2	2
403	1609	LY DUY TRUONG	1	2
404	1610	TCHEN VINH THONG	1	3
405	1612	TRAN VAN THANG	1	2
406	1614	TRAN THI THAO	2	3
407	1617	LAI THI MY DUNG	2	4
408	1619	NGUYEN CAO TRI	1	4
409	1623	NGUYEN THU TRA	1	1
410	1625	NGUYEN THI KIM QUY	2	3
411	1628	TRAN THI MY YEN	1	2
412	1634	HOANG THI SUONG	1	3
413	1638	LAM BICH VAN	1	3
414	1639	VO THI ANH HANG	1	3
415	1642	LUU THI KHUYEN	2	6
416	1652	NGUYEN THI HA TINH	2	3
417	1663	BUI THI HAI YEN	2	3
418	1668	NGUYEN THI MINH TRANG	1	3
419	1677	NGUYEN QUANG HUY	1	3
420	1678	LE THI HUYEN	1	3
421	1680	TRAN TAN PHUONG	2	3
422	1684	NGUYEN CHI THANH	1	2
423	1691	NGUYEN DANG LAM	1	3
424	1692	LE HAI CHAU	1	2
425	1693	NGUYEN LINH TRANG	3	7
426	1696	NGUYEN MY LINH	1	3
427	1697	NGUYEN THI THUY	2	2
428	1701	HOANG LONG VAN	1	3
429	1702	DINH THI XUAN HANG	1	3
430	1708	NGUYEN THI THUY NHUNG	1	1
431	1714	NGUYEN VAN DUONG	2	5
432	1715	LE THI DUYEN	1	3
433	1719	PHAM THI MY THAO	2	6
434	1721	DUONG THI MY DUNG	2	2
435	1725	DO THE VINH	2	3
436	1726	NGUYEN KIM CHI	1	3

437	1727	CHU VAN HUE	1	1
438	1729	TRAN THI THANH HIEN	1	2
439	1733	TRAN DUC SON	2	8
440	1743	TRAN VIET LINH	2	6
441	1747	NGUYEN HONG ANH	1	5
442	1757	NGUYEN VIET HUNG	2	4
443	1776	NGUYEN NHUT THANH	1	2
444	1794	NGUYEN DANG TUNG	2	3
445	1798	NGUYEN VAN HUYEN	1	3
446	1801	VU THI MO	2	3
447	1803	VU NGOC TU	1	3
448	1804	NGUYEN THI NGOC ANH	1	1
449	1806	DO DINH QUOC	2	5
450	1809	NGUY THE TUNG	1	2
451	1816	NGUYEN HOAI NAM	2	7
452	1816	HO CONG LOC	1	2
453	1818	NGUYEN HOANG TRUNG NGUYEN	1	1
454	1819	PHAM THI NGOC HIEN	1	3
455	1822	NGUYEN THI MINH PHUONG	1	1
456	1823	PHAN NHAT TAI	3	7
457	1829	ONG TAN LOI	1	3
458	1835	DO THI MY LOAN	1	4
459	1845	NGUYEN THI LE HANH	2	6
460	1845	NGUYEN VAN THIET	1	2
461	1847	TRAN TUAN DOANH	3	6
462	1849	NGUYEN VAN NGO	1	2
463	1855	HOANG NGUYEN QUOC PHONG	2	5
464	1855	LE MANH HUNG	1	1
465	1860	VU THI LAN	1	2
466	1865	TRAN THI HIEN	1	3
467	1865	PHUNG DUC KHANH	1	3
468	1867	TANG HAI LINH	1	1
469	1873	TRAN MINH KIET	2	2
470	1879	NGUYEN XUAN THUOC	1	2
471	1890	NGUYEN MINH HOANG	1	3
472	1894	DO THI LAN ANH	1	5
473	1897	CAO VAN VU	1	3
474	1902	TRIEU THI VAN ANH	2	6
475	1902	NGUYEN THI THU LAN	2	7
476	1903	NGUYEN VAN BACH	1	3
477	1910	NGUYEN THI THANH	1	3
478	1915	TRAN TRONG THUAN	1	3
479	1918	NGUYEN DUC CUONG	1	3
480	1920	TRAN THI THANH HUONG	1	1
481	1920	NGUYEN THI BICH HUONG	1	1
482	1920	DINH THI HANG	1	1
483	1923	HO THI THU HUONG	1	3
484	1946	NGUYEN THI HONG PHUONG	2	3

485	1947	LE HOAI LINH	2	8
486	1949	LE HOANG PHI GIAO	2	2
487	1965	MA THI MAI HUONG	1	3
488	1971	PHAM THANH HOANG LONG	1	2
489	1981	THIEU QUANG TUAN	1	2
490	1982	DAO MINH TUAN	1	1
491	1986	NGUYEN THI BICH HANG	1	1
492	1986	TRAN THI THUY ANH	2	4
493	1991	NGUYEN VAN DUNG	2	6
494	1996	HO NHAT PHI	1	2
495	2004	NGUYEN THI THANH THUY	1	3
496	2007	HOANG THI THANH HOA	2	2
497	2008	LE THI THU	1	1
498	2014	NONG THI QUYNH NGA	1	3
499	2016	PHAM MINH HOANG	1	3
500	2016	HUYNH QUOC THANG	1	3
501	2018	QUACH THI TUYET HONG	1	3
502	2020	GIANG THI NGA	2	3
503	2022	TRUONG GIANG NAM	2	6
504	2029	LUONG THI MY DUNG	1	1
505	2032	TRINH THANH BINH	1	3
506	2035	TO TAN LONG	1	1
507	2042	NGUYEN DINH HIEU	1	2
508	2049	DINH BICH HUYEN	1	5
509	2050	NGUYEN CHANH NHAT	1	2
510	2052	NGUYEN NGOC TAI	2	6
511	2054	NGUYEN HUY HANH	1	3
512	2070	TRAN THANH DONG	2	5
513	2072	TRAN THI HIEP	1	3
514	2073	NGUYEN TRONG NAM	1	3
515	2073	NGUYEN HUNG MINH	1	3
516	2082	LE THI THANH HUONG	2	4
517	2082	LE VAN LONG	3	3
518	2083	TRAN QUYNH ANH	1	3
519	2086	VU THI BICH HONG	1	3
520	2094	QUACH MANH BAI	1	2
521	2095	TRAN DIEU AN	1	1
522	2097	MAI NGOC TRAM	3	5
523	2101	VU CONG TUAN	1	3
524	2102	NGUYEN THI PHUONG	2	5
525	2103	LE THUY KIEU OANH	1	2
526	2107	TRINH THI THU HA	1	2
527	2113	LE HONG KHANH	3	3
528	2120	TRAN DANG HAI	2	6
529	2133	BUI THI TRA MY	1	3
530	2138	TRAN THI HUYEN	1	2
531	2138	NGUYEN THI CAM LY	2	8
532	2140	LA VINH TIEN	1	2
533	2141	DOAN THI DOI	1	4

534	2146	NGUYEN THI HIEN	1	3
535	2147	LE TRAN KHANH LINH	2	4
536	2150	VUONG THANH NGA	1	3
537	2161	NGUYEN THI THU THUY	1	1
538	2161	PHAM THI GAI	1	3
539	2168	PHAM ANH DUC	1	3
540	2169	LE PHUONG THAO	1	3
541	2178	HO QUANG DUY	2	4
542	2183	PHUNG THUY TIEN	1	3
543	2184	HUYNH BAO NGUYEN	3	9
544	2186	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	1
545	2187	NGUYEN THI THU	2	3
546	2191	LE MANH TRUONG	1	3
547	2196	NGUYEN DANG DUY KHANH	2	5
548	2203	MAI THI HOAI ANH	2	2
549	2206	LE THI TRUNG	2	2
550	2208	HO THI THU TRANG	1	1
551	2213	NGUYEN THI BICH LIEN	1	1
552	2214	LAM MINH DU	1	3
553	2214	HO VIET NHAN	1	1
554	2215	HO VIET THANH	1	2
555	2224	NGUYEN HONG THUY	1	2
556	2241	LE DUY HUYEN	3	3
557	2248	NGUYEN VU THUY SAM	1	3
558	2260	LUONG THI BICH THUY	2	2
559	2261	NGUYEN TIEN DAT	1	2
560	2264	TRAN THANH AN	1	1
561	2267	NGUYEN HUU TAM	1	1
562	2277	PHAM THI MEN	2	2
563	2278	NGUYEN QUANG CANH	2	4
564	2290	NGUYEN THI KIM NGAN	3	9
565	2291	HOANG KIM NHUNG	1	3
566	2298	HOANG MINH HAI	1	1
567	2309	NGUYEN PHUONG NGA	1	4
568	2312	TRUONG KIM YEN	2	3
569	2313	BUI VAN KET	1	3
570	2316	TRAN THI HUONG MAI	1	2
571	2316	NGUYEN THI HONG THUAN	1	1
572	2329	LE HUU LONG	2	3
573	2342	CAO CHAU DONG	1	2
574	2344	HA HIEP DONG	2	7
575	2353	PHUNG THANH HUYEN	1	3
576	2372	TRAN LE TU LANG	1	1
577	2375	LE LONG HAU	2	2
578	2387	TRUONG THI THANH XUAN	1	2
579	2394	NGUYEN THI THANH TAM	1	2
580	2396	NGUYEN THI NHUNG	1	3
581	2397	VU TRAN TRONG TU	1	2
582	2400	NGUYEN THI NGOC	1	2

583	2415	NGUYEN HOANG TRUNG	1	1
584	2422	NGUYEN ANH HOANH	1	3
585	2423	DAO THI MY CHI	1	3
586	2441	TRAN PHU HAI	1	2
587	2449	LE TUAN HUONG	1	3
588	2461	TRAN THI KIM HUONG	1	2
589	2471	NGUYEN THI TRAN NHAN AI	2	2
590	2476	PHAM TUAN ANH	1	2
591	2478	NGUYEN THI MY NHUNG	2	5
592	2480	TRAN TIEN DUNG	1	1
593	2484	HOANG MINH GIANG	1	4
594	2489	NGUYEN THI BAO NGOC	1	3
595	2491	TRAN THI THAI NGOC	1	1
596	2495	NGUYEN ANH TU	2	6
597	2502	NGUYEN THI THU THUY	1	1
598	2503	HOANG THI THAO	1	3
599	2507	QUACH TAN DUNG	1	1
600	2524	NGUYEN THI NHAN	1	3
601	2539	DANG QUOC HOAN	1	1
602	2550	BUI THI THUY NHUNG	1	1
603	2561	DINH VAN TRONG	2	6
604	2565	LUONG QUOC TUAN	1	1
605	2570	NGUYEN VAN LAP	1	3
606	2577	NGUYEN TRAN THIEU QUAN	2	3
607	2578	NGUYEN THI THU HIEN	1	2
608	2579	NGUYEN DUY ANH	1	3
609	2580	NGUYEN VAN NGOAN	1	2
610	2581	UNG THI THU THUY	2	6
611	2593	NGUYEN MANH HUNG	2	6
612	2603	TRAN THI DUYEN	1	4
613	2606	TRAN KIM THAO	1	1
614	2607	NGUYEN ANH TU	2	5
615	2614	NGUYEN TUONG TRONG	2	2
616	2618	DUONG KHANH TUYEN	2	4
617	2620	DO THI THU TRANG	2	5
618	2629	NGUYEN HOANG PHONG	1	3
619	2631	PHAN THI THU	1	3
620	2635	TRAN THI LE THU	1	3
621	2637	NGUYEN THANH LUAN	1	2
622	2640	LE DINH DU	2	8
623	2648	TRANG VAN THANH	1	3
624	2655	TRAN VAN HUY	2	6
625	2661	PHAM THI THANH THUY	1	1
626	2676	NGUYEN PHUC HAI	3	5
627	2678	LE THANH HAI	1	1
628	2681	PHAM MINH HUNG	2	4
629	2688	NGUYEN HUU NAM	1	2
630	2689	NGUYEN THI BICH THUY	1	3
631	2691	TRAN ANH CUONG	1	3

632	2694	NGUYEN QUANG VINH	1	3
633	2698	VO HOAI PHUONG	1	2
634	2699	LE QUOC ANH	1	1
635	2711	NGUYEN MINH HOANG	3	9
636	2716	LE THI THANH	1	2
637	2730	NGUYEN KIM CHI	1	1
638	2731	DINH THI THANH THAO	1	2
639	2736	NGUYEN THANH BINH	1	3
640	2746	LAI TIEN THANH	2	2
641	2747	HUYNH NGUYEN ANH VU	2	7
642	2749	VU NGUYEN VU	1	2
643	2749	NGUYEN TRUONG THANH	2	3
644	2755	NGUYEN HANH TRANG	1	2
645	2757	VU HONG THAI	1	3
646	2759	TRAN THI PHUONG HANH	1	1
647	2764	NGUYEN HOANG MAI HA	2	2
648	2770	TRINH MINH LOI	1	2
649	2778	NGUYEN LE THAI	1	1
650	2779	NGUYEN THI THU TRANG	1	5
651	2784	THANG PHUONG MAI	1	1
652	2796	TRAN THI MY NUONG	1	2
653	2797	TRAN QUAN VIET	1	2
654	2800	PHAM VAN HUNG	1	3
655	2813	NGUYEN THI MY NHUNG	1	1
656	2816	NGUYEN DINH THAO	2	8
657	2821	PHAN THI BICH HUONG	1	3
658	2832	NGUYEN THU PHUONG	1	3
659	2832	LE THI HONG NHUNG	2	4
660	2834	NGUYEN THI MINH THU	1	2
661	2837	DUONG THANH BINH	2	3
662	2842	DAO DUY TRUNG	1	3
663	2846	HA HIEN ANH	2	7
664	2854	NGUYEN NGOC MAN KHANH	2	2
665	2879	VU NGOC HIEU	1	3
666	2884	VU THI THUY QUYNH	1	3
667	2887	NGHIEM NGOC BINH	1	3
668	2888	TRAN DUC TOAN	2	5
669	2889	BUI NGUYEN DUC TIEN CU	1	3
670	2890	LE THI THU THAO	1	2
671	2892	BUI QUOC HIEU	1	1
672	2893	NGUYEN VAN ANH	1	3
673	2895	VU THI MINH HUYEN	1	1
674	2900	NGO CONG SONG	2	5
675	2903	NGUYEN TIEN TAM	3	6
676	2904	LE VIET CUONG	2	6
677	2909	HOANG TUNG MAU	1	1
678	2909	TRAN THANH THUY	1	2
679	2911	NGUYEN LE TRA MY	1	3
680	2916	NGUYEN THIEN PHUC	3	9

681	2919	NGUYEN THI THO	1	3
682	2920	LE VIET ANH	3	9
683	2921	LUU THANH CHUNG	1	1
684	2928	HOANG VAN NGOC	2	7
685	2940	NGUYEN THI DIEU THI	2	4
686	2946	TA QUOC PHONG	1	3
687	2953	PHUNG THI HONG NHUNG	1	3
688	2954	PHAN NGOC THUY	1	2
689	2961	LONG KHANH LE	1	2
690	2971	NGO THI MY LINH	1	3
691	2973	NGUYEN THI NHAN	2	8
692	2975	LY THANH HANH	1	2
693	2979	NGUYEN HUU VUONG	1	2
694	2996	LE THI MINH HIEU	1	3
695	2997	PHAN THANH NHON	1	2
696	2998	NGUYEN THI LINH PHUONG	1	3
697	3003	NGUYEN VU GIAO UYEN	2	5
698	3005	MAC TRIEU NGUYEN	1	2
699	3008	TRAN HOANG QUOC BAO	2	3
700	3014	LUONG HUYNH THE KHOA	2	6
701	3015	LE DUY KHANH	1	2
702	3018	VU VAN TAM	1	1
703	3020	HOANG PHUONG THUY	1	5
704	3026	TIEP RI DA NI	1	1
705	3028	TRAN NGOC HA	1	2
706	3036	TRUONG CONG VINH	1	2
707	3077	DUONG TUAN ANH	1	3
708	3086	NGUYEN VAN HIEP	1	3
709	3092	NGUYEN NGOC TIEN	2	3
710	3092	NGUYEN PHI TUONG NHI	2	2
711	3095	TRAN ANH TUYET	2	6
712	3108	NGUYEN THI THUY	1	3
713	3108	LE VAN TRANG	1	1
714	3112	PHAM THI NGOC NGAN	2	3
715	3113	BUI ANH DUC	2	6
716	3120	NGUYEN ANH PHUONG	2	3
717	3125	NGO HONG DUONG	1	3
718	3126	DUONG THI HAI YEN	1	4
719	3133	HUYNH HUU TRI	3	6
720	3140	NGUYEN THI TRAN MINH	1	2
721	3151	TRAN LONG CHON	1	1
722	3161	NGUYEN THI VAN	1	1
723	3165	HUYNH MINH DAO	1	3
724	3165	PHAN THANH TRA	1	1
725	3165	NGUYEN THI CAM THUY	2	4
726	3177	NGUYEN MINH HIEN	2	3
727	3180	CAO PHAN KHANH TOAN	1	1
728	3181	LE THANH HUYEN	1	1
729	3183	VU VAN HONG	1	1
730	3185	BUI QUANG DU	1	3

731	3189	NGUYEN VINH HAU	2	6
732	3195	TRAN VAN DO	1	3
733	3195	LE THI THANH HUYEN	1	3
734	3199	NGUYEN TRUONG GIANG	1	3
735	3203	LUU VIET ANH	1	5
736	3206	DUONG THANH TRANG	1	1
737	3211	DOAN THANH TRUNG	1	3
738	3216	PHAM MINH TUAN	1	3
739	3216	PHAN DANG KHANH	1	1
740	3219	TO KIM DUNG	2	5
741	3221	NGUYEN THANH TRUNG	1	1
742	3247	VO HUNG MINH	1	2
743	3250	DANG THANH TINH	1	3
744	3254	TRAN THI HOAN XUAN	2	6
745	3257	LUU QUANG THANH	1	3
746	3268	TONG THI PHUONG	2	8
747	3270	NGUYEN SY VIET	1	1
748	3277	NGUYEN NGOC HUNG	1	1
749	3282	NGUYEN THI TRINH	1	2
750	3290	LE CONG TUAN	2	6
751	3290	THAI HONG LINH	1	1
752	3290	NGUYEN THI LE DIEM	1	3
753	3299	NGUYEN THI THUY	1	3
754	3299	NGO THI THUY QUYEN	1	3
755	3300	NGUYEN MY KHANH	1	3
756	3305	NGO HONG PHUONG	1	2
757	3316	VO MINH DANG	1	3
758	3320	NGUYEN THI LE	2	5
759	3349	TRINH VAN HOANG	1	2
760	3354	LE THI HUE THU	1	1
761	3361	NGHI THI HONG HANH	2	6
762	3369	NGUYEN THI LE	1	3
763	3376	NGUYEN MINH HO	3	9
764	3383	LAI VAN CHIEN	1	3
765	3394	LE THI THU HUONG	1	4
766	3396	TRAN KHANH HIEP	1	3
767	3397	PHAM NHAT HUONG	1	1
768	3401	VU NGOC ANH	1	3
769	3405	NGO NAM PHUONG	2	6
770	3405	NGUYEN LE HOANG ANH	1	1
771	3412	TRAN VAN TAI	2	3
772	3424	NGUYEN NGOC YEN	1	3
773	3433	NGUYEN THI NGOC ANH	3	9
774	3439	BUI THI THU THUONG	1	2
775	3443	PHAM NGOC ANH	1	2
776	3444	TRUONG THI LAN ANH	1	4
777	3445	LE THI THANH THUY	1	2
778	3456	CAO DINH CHINH	1	3
779	3458	VO THANH HUNG	2	3
780	3459	TRAN THI KIM LOAN	1	2

781	3467	NGUYEN CHI TRUNG	1	2
782	3477	TA BAO KHANH	1	2
783	3486	LUONG DUC TOAN	1	3
784	3486	TRAN MINH HIEU	2	4
785	3493	VO VAN KHUE	1	3
786	3499	DO THI HOA	1	2
787	3505	NGUYEN TUONG VI	1	1
788	3508	LE NHU QUYNH TRANG	2	2
789	3513	TRINH DINH MAI HONG	1	1
790	3525	BUI THANH TU	1	3
791	3525	TRAN THI MONG NHU	1	3
792	3527	NGUYEN HONG PHONG	1	3
793	3532	TRAN HUNG CUONG	1	2
794	3533	DOAN NGOC TUAN	1	1
795	3533	HA HUY DU	1	3
796	3544	NGUYEN THI MINH NGUYET	1	2
797	3545	PHAN DIEU LOAN	2	8
798	3551	NGUYEN THI LIEM	1	2
799	3562	BUI THI THANH HA	2	8
800	3566	TRAN THI CAM TIEN	1	3
801	3566	DUONG DINH HUY	2	3
802	3568	DANG THU PHUONG	1	2
803	3574	CHU DUC TAI	2	4
804	3579	DAO VIET THANG	1	2
805	3586	PHAM THI TUYET NHUNG	1	1
806	3592	CAO XUAN VU	1	3
807	3595	LUONG HUU HAI	1	3
808	3596	NGO THANH NGOAN	1	2
809	3608	HUYNH HUU HOAN	1	3
810	3608	DAO DUC HIEU	2	3
811	3615	VU XUAN DUC	2	6
812	3615	NGUYEN DINH TRUONG	1	1
813	3616	NGUYEN VAN TUAN	2	5
814	3616	VU THANH SON	1	1
815	3618	VO THI KIEU PHUONG	1	2
816	3619	PHAM THI PHUONG THUY	3	9
817	3621	HUYNH HOANG DUC	1	3
818	3623	NGUYEN THI THANH PHUONG	1	3
819	3627	NGUYEN THI THUONG	1	4
820	3630	BUI THI MINH TUYET	1	3
821	3634	NGUYEN THI KHANH LINH	1	3
822	3638	NGUYEN THI LAM	1	1
823	3639	LE THI GAI	2	4
824	3647	TRAN HONG KIEN	1	2
825	3656	NGO NGOC ANH	3	6
826	3668	NGUYEN QUOC TUNG	1	1
827	3678	NGUYEN THI DUC HUE	2	4
828	3683	NGUYEN THE NGOC	1	3
829	3684	LUU THI TUYET	2	6

830	3693	PHAM VAN CHUNG	2	5
831	3698	NGUYEN HOANG MI	1	1
832	3704	TRAN HONG QUAN	2	2
833	3709	TRUONG MINH PHU	1	2
834	3711	VO NAM THANG	1	1
835	3719	NGUYEN THI NHI	1	2
836	3720	DINH TRUNG HIEU	1	3
837	3720	TRAN QUANG VUONG	1	1
838	3721	DINH VAN PHONG	2	4
839	3721	TRAN BA THIEN	1	2
840	3732	LE THI THU PHUONG	1	2
841	3735	NGUYEN THI KIM HUE	1	1
842	3736	LE THANH HAU	1	3
843	3737	PHAM THI BONG	2	4
844	3741	TRAN DUY AN	1	3
845	3771	NGUYEN TRUNG CANH	2	3
846	3772	NGUYEN THI BICH LIEM	2	2
847	3776	OMURA KAZUYUKI	3	3
848	3781	NGUYEN THI QUYNH	3	9
849	3791	NGUYEN HAI DANG	1	3
850	3796	HOANG VO KIEN	1	3
851	3804	NGUYEN MINH QUANG	1	3
852	3804	HUYNH CANH THANH THANH	1	1
853	3808	NGUYEN THI NGUYEN	1	3
854	3814	MAI VAN THAT	2	3
855	3823	PHAM QUOC THANG	1	1
856	3833	DINH HA THUONG	1	3
857	3834	NGUYEN LE HONG HAN	1	1
858	3834	PHAM MINH QUY	2	2
859	3841	VUONG VIET TAN	1	3
860	3844	PHAM THI NGOC LAN	2	3
861	3856	MAI TRONG THIEN	1	3
862	3860	HO THANH TRUC	1	3
863	3863	HOANG VIET	1	1
864	3865	MAI THI LAN	1	3
865	3865	HA TRONG DUY	1	3
866	3867	DAO THANH SON	1	1
867	3868	VU THANH TUNG	1	2
868	3878	PHAM THI HONG LAM	1	3
869	3880	HUYNH VAN TIEN	2	2
870	3887	NGUYEN THI ANH THO	1	3
871	3889	PHUNG VAN THINH	1	3
872	3892	NGUYEN DINH HIEP	1	1
873	3899	NGO THI VAN KHANH	2	6
874	3900	VU THI MY HANH	1	1
875	3904	TRINH PHUONG HAO	1	3
876	3909	NGUYEN MINH QUY	1	3
877	3920	NGUYEN THANH DAT	1	2
878	3923	LE MY NHAN	1	1

879	3930	NGUYEN THI QUYNH NHU	1	3
880	3945	NGUYEN HOANG THANH	1	3
881	3946	DANG THI THANH VAN	2	5
882	3958	PHAM THI THANH NGOC	1	1
883	3962	NGUYEN THI NGA	2	3
884	3977	LE THI DAI TRANG	1	1
885	3978	NGUYEN VAN LINH	2	3
886	3981	VU THI LOAN	1	2
887	3985	LE HUNG VUONG	1	2
888	3988	HA THI THU NGA	3	9
889	4003	TA DUY KHUONG	2	4
890	4008	NGUYEN VIET HA	1	3
891	4026	NGUYEN THI NU	1	2
892	4027	HOANG NGOC HUNG	1	3
893	4032	NGUYEN THI NGA	1	2
894	4056	NGUYEN THI AI	1	2
895	4058	TRAN VAN HUYNH	1	1
896	4061	LA QUOC HUY	3	6
897	4063	TRAN NGOC CHAU	2	8
898	4072	DINH XUAN TAN	2	4
899	4079	DOAN THI YEN	2	3
900	4082	PHAM VAN VUONG	3	3
901	4082	PHAM THI HONG NHUNG	1	3
902	4087	TRAN VAN TAN	1	1
903	4089	LE THI THUY TRANG	1	3
904	4090	TRAN NGOC QUYET	2	7
905	4091	DAO THI NHUNG	1	1
906	4093	NGUYEN THI TRA MY	1	2
907	4095	PHUNG THI QUYNH ANH	1	4
908	4100	THAI CUONG ANH	2	8
909	4104	LY VAN	2	4
910	4117	BUI AI XUAN	1	3
911	4135	DUONG NGOC HUNG	2	3
912	4138	DO HOANG NHAT	3	6
913	4139	BUI DAI PHUC	2	3
914	4140	LE THANH TRUNG	2	6
915	4141	NGUYEN MAI ANH	1	1
916	4151	PHUNG VIET QUANG	1	3
917	4155	DAO QUOC HUY	2	6
918	4158	NGUYEN QUOC VIET	2	6
919	4165	NGUYEN VAN LAM	1	2
920	4166	TRAN VAN BIEN	1	2
921	4167	DAO VAN MINH	1	3
922	4170	NGUYEN MINH HUY	2	6
923	4173	DINH THI THANH TAM	1	1
924	4186	VUONG TAN MINH KHOA	1	1
925	4195	NGUYEN HUY HOANG	2	2
926	4197	TRAN KIM TUYEN	2	8
927	4197	TRAN TRONG PHUONG	2	7
928	4202	TRAN HUU QUY	1	2

929	4212	NGUYEN HUU PHU	1	3
930	4219	LE HA	1	1
931	4222	NGUYEN DANG MINH NHAT	1	3
932	4224	NGUYEN MANH HUNG	1	3
933	4224	HUYNH HONG	2	2
934	4230	PHAM VAN HUY	3	9
935	4234	VO HONG NGOC LOI	3	3
936	4237	TRIEU VAN TAN	2	8
937	4251	TRAN MINH SANG	1	2
938	4257	NGUYEN NGOC PHUONG THAO	2	3
939	4259	NGO HAI MY	1	1
940	4262	NGO PHUONG NAM	2	2
941	4265	LE THI HONG NHUNG	1	3
942	4267	LE SON SU	1	3
943	4275	LUONG THANH TUAN	2	2
944	4276	NGUYEN VAN QUAN	1	3
945	4289	BUI THI NGOC HAN	2	2
946	4292	NGUYEN THI BICH NGOC	1	2
947	4296	THOI THANH PHONG	2	3
948	4296	TRAN THI NHU TRANG	1	2
949	4301	NGUYEN THI BAO YEN	1	1
950	4302	TRINH THI THANH TUYEN	2	3
951	4313	DANG DIEM HUONG	3	9
952	4319	LE THANH TUNG	1	1
953	4324	NGUYEN VAN HOA	1	3
954	4332	NGUYEN THI TUYET MAI	2	4
955	4334	TRAN TRUNG THANH	2	3
956	4336	HOANG YEN NHI	1	5
957	4338	VUONG NGOC CUONG	1	1
958	4338	DO THI DUONG	1	1
959	4343	HUYNH HUU TAI	1	3
960	4349	HOANG ANH TUAN	1	2
961	4358	TRAN NAM TRUNG	3	9
962	4363	PHAM PHI PHI	1	2
963	4370	BUI NGOC YEN	1	1
964	4371	TA VAN THANH	1	2
965	4386	NHAM THI THANH HA	2	7
966	4394	HO THANH GIANG	1	2
967	4395	TRAN NGUYEN THUY NGOC NGAN	2	8
968	4396	TA QUANG HUY	1	3
969	4403	NGUYEN QUOC THICH	3	9
970	4403	DO THI MY THUAN	2	8
971	4403	LE DUY PHUONG	1	3
972	4410	NGUYEN THI HONG THOM	2	6
973	4411	TRAN BAO LINH	1	3
974	4415	NGUYEN VAN KHIEM	2	5
975	4432	NGUYEN THI KIM LIEN	2	2
976	4433	TRUONG THI PHUONG THAO	1	1

977	4442	NGUYEN HUY HOANG	1	1
978	4444	HOANG NGUYEN TUNG	2	6
979	4457	TRAN THI LE VAN	2	2
980	4457	NGUYEN THI LE NHUNG	1	1
981	4464	HUYNH NGOC NGA	1	3
982	4468	LE THI THANH THUY	1	1
983	4470	NGUYEN HONG THUY	3	6
984	4476	NGUYEN THI THUY DUONG	1	2
985	4483	LE THUY THANH THUY	1	1
986	4486	NGUYEN XUAN HUY	2	6
987	4489	NGUYEN ANH QUOC	2	3
988	4493	BUI NGUYEN NGOC HA	1	2
989	4494	TRAN HUONG GIANG	1	4
990	4494	PHAM VAN NGO	1	2
991	4506	TO THI MINH HUE	1	1
992	4519	VU THANH MAI	1	3
993	4531	NGUYEN THANH HAI	1	2
994	4532	HUYNH THANH VINH	1	3
995	4549	HOANG DUC LUAN	1	1
996	4560	NGUYEN THI KIM NGAN	3	6
997	4562	LE THUY HANH	1	4
998	4564	NGUYEN DANG KHOA	1	3
999	4571	VU KIM OANH	2	6
1000	4572	NGUYEN VAN HIEN	2	5
1001	4586	NGUYEN KHANH TRUONG	2	6
1002	4594	LE THI TRANG	1	3
1003	4594	NGUYEN THE BAO	1	1
1004	4601	CAO THI HUYEN MY	1	5
1005	4615	PHAM KIEN TRUNG	1	2
1006	4619	NGUYEN THI THANH THAO	1	1
1007	4623	DOAN THI LUA	1	4
1008	4640	PHAM THANH NAM	2	3
1009	4652	LUU THIEN TU	1	1
1010	4659	NGUYEN DINH LINH BAO	1	2
1011	4661	DAO CONG HAI	2	3
1012	4663	NGUYEN HOAI NAM	2	3
1013	4669	NGUYEN DUC THANH	1	1
1014	4677	TRAN THUY HUYNH	1	3
1015	4681	TO NGOC DUNG	1	3
1016	4694	VAN THI THANH THUY	1	3
1017	4695	TRAN THI THANH HUYEN	1	3
1018	4696	NGUYEN THI MINH HA	1	1
1019	4713	DOAN HUU VIET	1	3
1020	4713	DINH THUY HANH	2	3
1021	4731	MA THANH THIEN	1	1
1022	4732	NGUYEN QUOC HUONG	1	1
1023	4732	LUU THI THU	2	6
1024	4739	NGUYEN DANG PHUONG TRANG	1	4
1025	4740	LE THANH TAM	2	2

1026	4743	NGUYEN THU HA	1	1
1027	4749	LE XUAN SANG	3	9
1028	4752	NGUYEN THI MAI	1	3
1029	4752	TA THI DUNG NHI	1	1
1030	4768	NGO VAN HIEP	2	6
1031	4779	LE NGUYEN THAO NGOC	2	3
1032	4788	TRAN THAI SON	1	2
1033	4791	VU THE ANH	2	5
1034	4791	BUI QUOC VINH	1	3
1035	4794	NGUYEN ANH VIET	2	8
1036	4799	NGUYEN THANH TU	1	1
1037	4800	NGUYEN NGOC THUY	2	2
1038	4803	NGUYEN THI PHUOC AN	1	5
1039	4807	NGUYEN THI THAO LINH	1	2
1040	4813	HUYNH VAN NHANG	2	3
1041	4815	NGUYEN THI THONG	1	2
1042	4820	PHAM VIET ANH	1	3
1043	4827	HA VAN QUANG	1	3
1044	4831	DAO THI LIEN PHUONG	1	1
1045	4840	TRAN THI MY NHAN	1	1
1046	4842	DANG THI MY DUNG	2	3
1047	4845	NGUYEN DUC HUNG	2	5
1048	4873	LUU BICH PHUONG	1	2
1049	4874	DUONG VIET ANH	2	6
1050	4876	VU NGOC LINH	2	6
1051	4878	NGUYEN NGOC DUNG	1	3
1052	4880	TRIEU THU HUYEN	1	1
1053	4887	PHAM THI NAM	2	4
1054	4896	TRAN HOANG ANH	3	6
1055	4899	HUYNH THI THAO HIEN	1	2
1056	4905	HUYNH THI NGOC	2	2
1057	4909	NGUYEN HUU CONG	1	1
1058	4909	TRUONG HUU NGHI	1	1
1059	4912	DAM DUC TRUNG	2	5
1060	4917	NGUYEN TRUONG AN	1	3
1061	4920	NGUYEN THI HUONG	2	6
1062	4929	NGUYEN VAN VU	1	1
1063	4932	LE THI THANH THANH	1	2
1064	4939	NGUYEN THI LAN	2	3
1065	4950	NGUYEN THI VAN ANH	1	2
1066	4973	TRAN THI THU TRANG	1	3
1067	4973	LE MY DUYEN	2	3
1068	4975	NGUYEN LE HOAI CHAU	2	3
1069	4975	HOANG THI LIEM	2	3
1070	4987	NGHIEM QUANG HUNG	2	3
1071	4994	NGUYEN XUAN NAM	1	1
1072	5004	NGUYEN THI THU SUONG	2	3
1073	5015	DINH VAN NHU	1	3
1074	5018	LE THI ANH	1	2
1075	5020	TRAN TRUNG HIEU	1	3

1076	5026	NGUYEN THI THUY DUONG	2	4
1077	5028	BUI THI TUONG VAN	1	1
1078	5031	TRAN MANH HA	1	3
1079	5034	HOANG VAN HA	1	3
1080	5053	BUI TUAN ANH	1	1
1081	5058	NGUYEN HOANG	1	3
1082	5074	PHAM DUC DUONG	2	7
1083	5084	DO THI THUY	2	2
1084	5093	TRINH PHUONG THUY	1	3
1085	5106	NGUYEN VY CHAU TRAN	2	5
1086	5110	TRAN QUOC TUAN	1	3
1087	5110	BUI THI PHUONG DUNG	1	1
1088	5115	NGUYEN THI PHUONG NGA	2	4
1089	5126	NGUYEN THI ANH TUYET	1	3
1090	5127	VO THI THUY VAN	2	2
1091	5132	DUONG VAN HIEN	1	1
1092	5137	BUI VU MINH THU	1	3
1093	5153	TRAN HOANG TUAN	1	1
1094	5157	NGUYEN THI MINH NGOC	1	4
1095	5161	NGUYEN DUY NAM	2	4
1096	5162	HOANG QUANG HOA	2	4
1097	5174	VO VAN HO	1	3
1098	5176	LE THAI TRANG	1	1
1099	5208	PHUNG HAI NHU	1	3
1100	5208	PHAM HANG TRUC NGAN	2	6
1101	5215	VU TIEN HUNG	1	1
1102	5219	VU THI PHUONG	1	2
1103	5224	NGUYEN VAN MAU	1	2
1104	5226	DINH THI HONG	1	3
1105	5231	HUYNH VAN AN	2	3
1106	5232	LUONG THE VINH	2	6
1107	5232	NGUYEN NGOC THAO HIEN	1	2
1108	5234	NGUYEN DUC DUYEN	1	5
1109	5240	TRAN THUY TRINH	2	3
1110	5249	VO THI THUY TRANG	2	8
1111	5250	NGUYEN CONG HUAN	1	1
1112	5264	NGUYEN HONG NHUNG	2	6
1113	5267	DO THI NHAM	2	4
1114	5267	TRAN VAN DUC	1	3
1115	5272	DAO TAT THANH	1	3
1116	5281	NGUYEN CHI HIEU	2	5
1117	5293	NGUYEN THI THANH HUONG	1	3
1118	5298	NGUYEN MINH SON	1	3
1119	5299	PHAN NGUYEN HONG PHUONG	2	4
1120	5303	NGHIEM VAN HAI	1	2
1121	5306	NGUYEN HONG PHUC	1	2
1122	5309	NGUYEN THI THANH THAO	3	9
1123	5310	NGUYEN THI HOAN	1	2
1124	5313	NGUYEN YEN GIANG	2	4

1125	5317	PHAN THI DIEU LINH	1	2
1126	5323	TRAN CONG LAP	1	1
1127	5324	PHAM QUY BO	1	2
1128	5326	HOANG THI BICH LAN	1	3
1129	5326	NGUYEN THI THU TRANG	2	3
1130	5327	PHAM VAN TU	1	3
1131	5331	NGUYEN VAN SANG	1	1
1132	5335	DAO THI HONG NGOC	2	2
1133	5337	NGUYEN THI TUYET NGAN	2	3
1134	5347	NGUYEN VAN TUAN	1	3
1135	5349	TRAN VU	1	1
1136	5358	BUI LE THANG	1	2
1137	5358	TRUONG DUC DO	2	6
1138	5361	NGUYEN QUOC ANH	1	2
1139	5362	NGUYEN ANH H XUAN VIET	2	6
1140	5365	NGUYEN KHAC HUU	3	9
1141	5369	DAM QUANG HOA	2	2
1142	5380	HUA XUAN THINH	1	1
1143	5383	CHAU OAI	1	2
1144	5394	NGUYEN VAN DUNG	2	6
1145	5402	VAN THI CAM NHUNG	2	4
1146	5403	TON NU THUY MY	1	3
1147	5406	NGUYEN THI MIEN	1	2
1148	5407	NGUYEN THI HUONG	1	3
1149	5411	DUONG TRONG NGHIA	2	4
1150	5416	TRAN DINH NGOC	2	2
1151	5420	HUYNH THI AN TIEN	1	7
1152	5424	PHAM DUC THANH	2	2
1153	5431	PHAM DUY	1	3
1154	5434	HO DANG KHANG	1	2
1155	5438	LE KHAC LAM	1	3
1156	5438	NGUYEN THI HIEN	1	3
1157	5442	PHAM THI NGAN	2	2
1158	5460	TRAN THI HONG THAM	1	1
1159	5469	DO MINH HOANG	1	3
1160	5472	TRAN TAM	1	2
1161	5476	NGUYEN DANH THO	2	2
1162	5478	HA VAN DUNG	1	3
1163	5479	NGUYEN DUC THANH	1	1
1164	5480	PHAM MINH CHIEN	3	7
1165	5484	TRUONG NHAT BINH	1	3
1166	5485	DUONG DUC THUAN	1	5
1167	5486	NGUYEN THI MONG DUNG	1	3
1168	5497	PHAM THI THUY	1	3
1169	5502	DO MINH QUANG	2	3
1170	5504	TRAN THUY LINH	2	6
1171	5508	LE TAT THANH	1	3
1172	5514	BUI BAO TRAM	2	2
1173	5537	NGUYEN THI HUONG	1	3
1174	5538	LE CAM TU	1	1

1175	5543	NGUYEN VAN LONG	1	3
1176	5547	NGUYEN THU HUONG	1	3
1177	5587	MAI HOA	1	3
1178	5592	BUI HUYEN TRANG	1	4
1179	5595	TRAN THI THUY DIEM	2	8
1180	5616	DUONG THUY HA	1	2
1181	5633	NGUYEN THI ANH DUONG	1	3
1182	5634	TRAN THI THUY HONG	2	8
1183	5640	VO PHUONG MAI	2	5
1184	5641	NGUYEN HOANG DIEU LINH	2	4
1185	5645	DINH VU QUYNH HUONG	1	1
1186	5646	HO VAN DUNG	1	3
1187	5647	DO THANH PHU	1	1
1188	5659	NGUYEN LAN ANH	2	8
1189	5672	DAO THI HUYEN	1	2
1190	5673	NGUYEN THI HOAI	1	1
1191	5675	NGUYEN TAN MA	1	3
1192	5678	PHAM THI KIM CUONG	2	3
1193	5696	NGUYEN THI KIM DUNG	1	1
1194	5699	TRINH THI DUNG	1	2
1195	5702	DANG THI LUYEN	1	1
1196	5704	TRINH THI BICH NGA	3	7
1197	5708	LE THI NGOC HUONG	1	3
1198	5715	VU THI QUYNH ANH	3	9
1199	5715	LE THUY CHI	2	2
1200	5731	TRAN VAN HUY	1	3
1201	5738	TRUONG THI DAI TRANG	1	1
1202	5738	LE ANH MINH	2	3
1203	5745	TRUONG HUU THANG	1	3
1204	5748	MAI THANH HAI	2	5
1205	5754	HOANG CONG CHINH	1	3
1206	5754	VU NGOC MINH	1	3
1207	5756	DOAN THANH ANH	1	1
1208	5763	NGUYEN THI HONG NGOC	1	3
1209	5786	TRAN LE HUY CUONG	1	2
1210	5792	NGUYEN THI NO EN	1	1
1211	5794	NGUYEN THI TUYET TRINH	1	3
1212	5801	LE THI HOAN	1	2
1213	5806	NGO DINH THIEN AN	1	3
1214	5809	LE DUC CONG	2	5
1215	5825	NGUYEN QUY LONG	3	6
1216	5826	VU DUC HOANG	1	1
1217	5833	NGUYEN THI HONG TRANG	1	2
1218	5877	VU THI XUAN THU	1	1
1219	5878	TRAN VAN DUC	2	4
1220	5893	TRAN THI YEN	1	2
1221	5908	TRAN QUANG DUC	1	1
1222	5910	NGUYEN THI HONG	2	6
1223	5918	NGUYEN LE NGOC TRAN	1	3

1224	5918	NGUYEN THI THANH THUY	1	1
1225	5928	HO THI NHU THUY	1	1
1226	5935	NGUYEN TAT THE	2	6
1227	5939	PHAN THANH HAI	2	6
1228	5945	TRAN CONG THANG	2	2
1229	5968	NGUYEN DUY THANG	3	3
1230	5971	NGUYEN HUY HOANG	2	6
1231	5973	VU QUANG MINH	2	8
1232	5976	TRAN THI PHUONG LINH	2	5
1233	5977	NGUYEN THI VAN ANH	3	9
1234	5977	NGUYEN VAN LONG	1	3
1235	5999	NGUYEN NGOC SUONG	1	4
1236	6000	CHU THI LAN HUONG	1	1
1237	6001	NGUYEN THI NGOC NHUNG	1	4
1238	6007	NGUYEN THI THANH HANG	1	2
1239	6017	LE MINH NHON	3	9
1240	6024	PHAM VAN HOA	2	6
1241	6029	NGHIEM THI KIM QUY	1	1
1242	6052	DAO THI VIET PHUONG	1	3
1243	6056	NGUYEN THI CAM HA	1	3
1244	6063	NGO THI LAN ANH	3	3
1245	6072	LE HUU THONG	2	3
1246	6076	PHAM CONG KHANH	1	1
1247	6085	NONG THUY PHUONG	1	2
1248	6088	LE CONG THINH	1	3
1249	6101	LE VAN TU PHUONG	1	2
1250	6105	NGUYEN THI HOAI HUONG	1	2
1251	6105	NGUYEN THI NGOC DUNG	1	2
1252	6112	NGUYEN THI PHUONG NHI	2	5
1253	6113	NGUYEN THI THANH MAI	2	4
1254	6118	PHAN THI DIEM TRINH	1	3
1255	6126	TRAN THI THAO	2	3
1256	6133	NGUYEN THI YEN	1	3
1257	6136	NGUYEN DANG HAI	1	1
1258	6142	NGUYEN THI THUY THUY	1	1
1259	6147	HOANG THI TUYET	1	3
1260	6157	NGUYEN DAC DUY	2	6
1261	6159	TRAN THI HONG THAM	1	1
1262	6168	VO THI THANH NGA	2	3
1263	6168	TRUONG DO KIM NGAN	1	4
1264	6173	DO DIEU LINH	1	3
1265	6176	LE MINH PHUONG	1	4
1266	6177	CHU THI THUY	1	1
1267	6177	DINH HAI LINH	1	2
1268	6200	BUI TRUNG DUNG	1	3
1269	6206	VO THI DUY PHOI	1	1
1270	6218	HA VIET LAN	1	1
1271	6219	TRAN THI NAM THAO	1	1
1272	6220	PHUNG THI TRANG	1	1
1273	6228	NGUYEN THI VAN ANH	2	6

1274	6228	NGUYEN MINH HANH	1	1
1275	6234	TRAN NGOC MINH TAN	1	3
1276	6237	LE HUYEN THU	1	1
1277	6237	NGUYEN VAN SINH	2	3
1278	6242	TRAN DONG LUONG	2	5
1279	6242	NGUYEN THI ANH	1	2
1280	6243	PHAN DINH LOI	1	3
1281	6252	PHAM GIA HOA	2	6
1282	6284	DOAN QUY NHAT NAM	1	1
1283	6286	NGUYEN DUY SON	2	6
1284	6301	NGUYEN HOANG ANH	1	1
1285	6304	PHAM QUY HIEN	2	7
1286	6314	LE HUY TOAN	2	8
1287	6329	PHAM VAN DIEP	2	4
1288	6334	HA LINH CHI	2	3
1289	6335	NGUYEN VAN MINH	2	8
1290	6351	HOANG THI NGOAN	2	4
1291	6360	NGUYEN QUY DINH	2	5
1292	6367	HUYNH THI MY HANH	1	2
1293	6370	LE VAN QUANG	2	4
1294	6371	LE THI HONG HANH	2	4
1295	6387	LE NGOC BICH TRANG	1	2
1296	6388	LE ANH DUC	1	2
1297	6395	PHAM THI THAO	1	3
1298	6401	TRAN BINH TUONG	1	2
1299	6417	VU DUC THANG	2	2
1300	6422	TRAN VAN XUAN	1	3
1301	6425	NGUYEN ANH TU	2	2
1302	6427	TRIEU THI THU LIEN	1	3
1303	6431	DAO SON TUNG	2	5
1304	6435	DO THI TRANG	1	3
1305	6438	DINH CONG THIEN	1	2
1306	6442	HUYNH TRUNG HIEU	2	5
1307	6444	TRAN THI HONG THUY	1	3
1308	6447	TRAN NGOC KIM NHUNG	2	2
1309	6455	TRAN QUOC BAO	2	5
1310	6470	NGUYEN THI DAO	1	1
1311	6471	NGUYEN THI TO HOA	2	5
1312	6471	NGUYEN THI BICH THUY	2	5
1313	6478	NGUYEN THI HONG VIEN	1	2
1314	6479	NGUYEN HOANG NGAN	1	2
1315	6482	LE HOANG VI THAO	2	7
1316	6489	PHAN XUAN PHUOC	1	2
1317	6491	BUI QUOC DAT	1	2
1318	6497	BUI CONG HOANG	2	3
1319	6498	TRAN NGUYEN DAN QUYNH	1	3
1320	6499	TRAN THI NHUNG	2	4
1321	6506	QUACH NGOC HUONG	1	1
1322	6512	LE THUY MAI	1	1

1323	6515	LE TUAN DAT	1	2
1324	6517	TRAN THI TRANG	2	3
1325	6518	PHAM PHU NGHIA	2	6
1326	6522	TRINH MINH MY PHUONG	1	1
1327	6528	HUYNH THI HUYNH NHU	1	2
1328	6536	DOAN NGOC NHUT	2	3
1329	6545	NGUYEN THANH LUAN	2	4
1330	6552	NGO THI THUY HANG	1	3
1331	6572	BUI THI THANH THUY	1	1
1332	6598	NGUYEN THUAN LOI	2	4
1333	6601	NGUYEN NGOC LAN NGHI	2	4
1334	6603	NGUYEN PHUONG ANH	1	3
1335	6604	DAO THI THU AN	2	7
1336	6605	LE QUANG THANG	1	1
1337	6614	NGO MINH TIEP	3	6
1338	6626	VU HONG HUAN	1	1
1339	6652	LUU QUOC TUAN	2	6
1340	6653	DANG MINH TRANG	2	3
1341	6657	TRINH THE LONG	1	2
1342	6657	LE BICH LINH	1	2
1343	6661	TRAN GIA PHU	1	1
1344	6664	NGUYEN THUY CHI	1	1
1345	6669	LUU LE HOANG TRINH	2	2
1346	6672	HUYNH TUAN NHAN	1	3
1347	6675	PHAM DUY DONG	2	3
1348	6684	NGUYEN THANH SON	1	3
1349	6693	TRAN QUYEN	2	6
1350	6695	TRAN TUAN ANH	2	6
1351	6695	NGUYEN THI DIEU HOA	1	1
1352	6704	NGUYEN TRONG NGHIA	2	4
1353	6708	MAI THI PHUONG THUY	1	1
1354	6709	NGUYEN CONG THUC	2	3
1355	6714	HOA ANH TUAN	1	3
1356	6728	DOAN MANH HUNG	1	3
1357	6739	NGUYEN HUY HIEU	1	3
1358	6742	NGUYEN VAN DUNG	2	4
1359	6743	CAO NGUYEN THUY	3	7
1360	6750	LE QUOC HUNG	1	3
1361	6765	HOANG QUYET THANG	1	1
1362	6766	NGUYEN THI LE HANG	2	2
1363	6775	NGUYEN NGOC SANG	1	3
1364	6777	TRAN THI TU TRINH	1	3
1365	6778	NGUYEN DINH HAU	2	5
1366	6783	NGUYEN HA KIM NGAN	2	3
1367	6795	NGUYEN THI NGOC QUYNH	3	9
1368	6796	TRAN NGUYEN HANH NGUYEN	1	1
1369	6802	LE HUU AI	2	8
1370	6803	HA VAN LOC	2	4
1371	6803	TRUONG THI NHU LOAN	1	3

1372	6810	NGUYEN XUAN MINH	1	4
1373	6822	NGUYEN LE CHI	1	2
1374	6828	TRINH THI NHAM	1	3
1375	6845	PHAM VIET THANG	2	4
1376	6846	TRAN THANH TU	2	6
1377	6847	HOANG THI TIM	1	1
1378	6855	NGUYEN TICH KHOA	1	5
1379	6859	DUONG VAN MOC	1	3
1380	6864	HA VIET ANH	2	3
1381	6872	DO THI MINH HUONG	1	1
1382	6872	LE THUY VY	1	1
1383	6874	BUI DOAN QUANG HUY	1	3
1384	6874	VO DINH VUONG	1	3
1385	6884	LE HOAI THUONG	1	1
1386	6887	TRAN CONG HUNG	1	2
1387	6892	LE QUOC ANH	1	3
1388	6892	HAN CONG VIEN	1	3
1389	6894	PHAN THANH THOA	2	5
1390	6901	NGUYEN CONG LUAN	1	3
1391	6903	PHAM XUAN DUC	1	3
1392	6905	NGO TRIEU VI	1	2
1393	6907	LE DAO ANH THU	1	1
1394	6911	NGUYEN THANH DAT	1	1
1395	6913	NGUYEN HAI NAM	1	3
1396	6913	TRAN VAN HIEN	1	2
1397	6920	LUONG THI LONG	1	3
1398	6932	TRUONG DUC HOA	1	3
1399	6932	NGO DAO HUNG	1	4
1400	6936	NGUYEN DUC QUYET	1	1
1401	6943	PHAM THI TUYET NGA	1	1
1402	6946	HOANG TUAN VINH	1	1
1403	6947	TRAN THI ANH NGUYET	1	3
1404	6948	LE THI HUONG	2	6
1405	6950	NGUYEN THI HUYEN	1	2
1406	6953	HOANG THI NGOC LAN	1	3
1407	6960	TRAN THI HUYEN TRANG	1	2
1408	6966	DU VAN THIEP	1	3
1409	6973	NGUYEN KIM LIEN	1	3
1410	6990	VU THI LOAN	1	1
1411	6995	PHAN ANH DUNG	2	2
1412	6997	VU THI NGOC	2	6
1413	7001	VU THI HANG	2	3
1414	7005	TRAN THANH QUANG	2	5
1415	7007	NGUYEN THI BICH NGOC	1	2
1416	7015	NGUYEN THI HUYEN	1	1
1417	7025	TRAN NGOC TUNG	1	3
1418	7025	LAM KHANH KIEN	1	2
1419	7028	NGUYEN VAN TU	2	4
1420	7034	BUI THI KIM DUNG	1	3
1421	7034	DINH VAN NGU	2	5

1422	7042	PHAM MINH HAI	1	3
1423	7045	NGUYEN THI LIEN	1	3
1424	7049	LE DOAN DIEU DOAN	1	2
1425	7051	NGUYEN THI MAI HOA	2	6
1426	7083	TRUONG HUE	1	2
1427	7086	TRAN NGOC DUNG	1	2
1428	7089	LE NGUYEN HOANG LONG	1	1
1429	7101	LE THI HA GIANG	1	3
1430	7105	TRINH THI NGA	2	2
1431	7107	BUI HUY THANH	2	4
1432	7124	NGUYEN THI GIANG	2	3
1433	7132	NGUYEN THI HIEN	1	3
1434	7134	LE VIET XUAN	1	2
1435	7154	PHAN THI KIM CHI	1	3
1436	7158	BUI TIEN THAO	2	6
1437	7160	MAI THANH THUY	1	3
1438	7166	NGUYEN THI THUY LINH	1	4
1439	7167	PHAN ANH TUAN	1	3
1440	7168	LE THANH TRUNG	1	3
1441	7174	TRAN THI TUONG VI	1	3
1442	7176	PHAN THANH NHAT	1	3
1443	7178	NGUYEN VAN TUAN	1	3
1444	7181	NGUYEN DUC TUAN	1	3
1445	7186	DINH THI NGOC ANH	1	2
1446	7188	DO CAO VU HUNG	1	1
1447	7192	PHAM THANH TUNG	1	3
1448	7192	NGUYEN THANH HOANG	2	5
1449	7193	KY NGUYEN HOANG DIEM	1	3
1450	7199	VU MINH TUAN	1	3
1451	7199	CAO VINH TUNG	1	3
1452	7202	PHAM CONG THANH	2	2
1453	7204	TRINH THI VAN	1	3
1454	7204	LE THI NGOC CHAU	1	1
1455	7220	DANG QUOC THANH	1	1
1456	7232	TRAN THI THAO NGUYEN	2	3
1457	7235	LE THI KIM TUYEN	1	2
1458	7249	NGUYEN THI THANH HUYEN	1	1
1459	7252	NGUYEN TRAN MINH KHA	2	3
1460	7263	NGUYEN THI THUY	2	3
1461	7267	NGUYEN DINH HOA	3	9
1462	7274	PHUNG THANH HA	1	2
1463	7275	LE THI BICH THUY	1	3
1464	7277	NGUYEN THI VAN HUONG	2	4
1465	7277	TRAN THI NGOC	1	1
1466	7278	PHAM THI NHUNG	2	4
1467	7284	TRAN THANH THAO ANH	1	2
1468	7286	NGUYEN XUAN CHINH	1	3
1469	7295	NGUYEN GIA SON	1	1
1470	7297	PHAM TIEU PHUONG	1	3

1471	7298	NGUYEN THI KIM DUNG	1	1
1472	7313	LE THU HUYEN	1	3
1473	7317	NHU THI HOAN	2	2
1474	7329	LE VAN LOC	1	1
1475	7331	NGUYEN THI NGOC HANG	2	8
1476	7340	NGUYEN THI CAM TIEN	1	3
1477	7351	DINH LUONG NGUYEN	1	3
1478	7361	NGUYEN THI NUONG	2	5
1479	7365	AU THI NGUYEN	2	8
1480	7367	HOANG THI MINH TRANG	1	3
1481	7369	DO THU HANG	1	3
1482	7390	NGUYEN NU TU TRINH	1	1
1483	7391	PHAM HUY KHOI	1	3
1484	7391	PHAN THANH HOANG	1	3
1485	7391	DOAN TRAN THINH	1	3
1486	7395	NGUYEN THI NGOC CAM	1	1
1487	7399	LE THU GIANG	2	3
1488	7400	PHAM THI MINH SANG	1	2
1489	7402	VO DOAN AN HA	2	3
1490	7405	HOANG PHUONG THAO	2	2
1491	7407	NGUYEN THU TRANG	1	3
1492	7408	THIEU NGOC AN	1	3
1493	7408	TRAN THI THUY GIANG	2	3
1494	7409	HO VAN TAM	2	3
1495	7416	NGUYEN VAN NHAN	1	1
1496	7419	NGUYEN THI HANG	2	6
1497	7421	DANG THI MINH CHAU	2	2
1498	7422	NGUYEN THI LAN HUONG	1	3
1499	7425	VU NGOC LONG	1	4
1500	7439	LE THI LICH	2	6
1501	7441	NGO TRAN THUY VY	1	3
1502	7448	NGUYEN PHUONG NAM	1	1
1503	7448	PHUNG THI BICH NGOC	1	2
1504	7471	DOAN MINH HIEU	1	4
1505	7484	TANG THI MINH HUONG	1	3
1506	7508	TRAN DANG HIEU	2	4
1507	7512	PHAN TUAN ANH	1	3
1508	7514	DOAN VAN TIEN	2	6
1509	7523	PHAM ANH QUOC	1	3
1510	7530	NGUYEN THI MIEN	1	3
1511	7534	TRAN QUANG ANH	1	1
1512	7535	NGUYEN DANG GIA KY	1	3
1513	7538	HA THI THUY	1	3
1514	7540	NGUYEN THI CUC	1	1
1515	7541	NGUYEN THI XUAN HONG	2	4
1516	7545	NGUYEN DUC DUNG	1	1
1517	7548	NGUYEN QUOC MINH	1	1
1518	7551	PHAN MINH HUONG	1	2
1519	7552	DO HIEU NGHIA	2	4
1520	7553	LE MINH DUC	1	3

1521	7562	TRINH NGUYET HANG	1	3
1522	7582	PHAM THI HONG NGOC	1	1
1523	7582	HOANG LONG	1	1
1524	7583	CHU THI VAN ANH	1	3
1525	7605	BUI THI THANH HOAI	1	1
1526	7613	NGUYEN THI ANH HONG	2	4
1527	7613	DO THI NGOC PHUONG	1	1
1528	7616	NGUYEN THI TRA MY	1	2
1529	7617	TRAN HUU CO	1	1
1530	7621	NGUYEN THI HIEU	2	3
1531	7625	LUU TU MY	2	5
1532	7626	KIEU THI MY HANG	2	3
1533	7626	HOANG ANH TU	1	1
1534	7644	NGUYEN VU NGOC TU	2	7
1535	7644	NGUYEN THI DIEM THUY	1	2
1536	7648	PHAM THI BINH	2	6
1537	7655	TRAN MY	1	3
1538	7656	LE KIM DINH	1	4
1539	7668	DANG MINH HOANG	1	1
1540	7670	BUI DUY BAO	2	6
1541	7681	DANG VINH THAI	2	6
1542	7682	QUAN THI XA	1	3
1543	7696	MAI THI NGOC ANH	1	1
1544	7709	PHAN THI CAM TU	2	3
1545	7709	NGUYEN THI PHUONG	1	1
1546	7709	LE THU THAO	1	3
1547	7710	TRAN MINH XUAN	1	4
1548	7712	PHAN THUY TIEN	1	3
1549	7722	NGUYEN HONG HA	1	1
1550	7735	PHAM MINH TRUNG	1	3
1551	7786	HO THI THANH HONG	1	1
1552	7790	TRUONG THI THANH VAN	2	3
1553	7791	LE THI MY THUAN	2	8
1554	7795	TRAN DUNG	3	5
1555	7800	TRAN HOAI TAM	2	4
1556	7800	LAM QUANG LIEM	2	6
1557	7803	PHAM THI BICH NGOAN	1	3
1558	7813	LE THI HUONG	1	3
1559	7826	PHAM TIEN DUNG	2	6
1560	7833	DO VAN DUC	1	2
1561	7834	TRAN THI LUYEN	3	9
1562	7834	TRAN KHANH TAM	1	2
1563	7836	NGUYEN MINH HUNG	1	1
1564	7837	DO MINH DUC	1	3
1565	7847	PHAN TAN HUY	1	2
1566	7849	VO NHAT THU HANG	2	4
1567	7851	LE HUNG QUOC KHANH	1	2
1568	7857	DUONG MINH PHUONG	1	3
1569	7861	HOANG VAN PHIET	1	3
1570	7863	DAU KIM NGAN	2	2

1571	7869	DOAN BAO LINH	3	3
1572	7885	LE THI THANH THAO	1	3
1573	7885	NGUYEN TRONG TIEP	1	1
1574	7890	HOANG THI TUYET	2	6
1575	7898	LUU DUY THU HANH	1	2
1576	7901	DAO MAI LAN	1	1
1577	7907	VU TUAN ANH	2	4
1578	7913	LE MAI VU	1	4
1579	7926	KIM THANH HUNG	1	3
1580	7939	NGUYEN THI MY HANH	1	1
1581	7948	DAO THANH NHUNG	2	6
1582	7964	HOANG VAN LUONG	1	3
1583	7984	LAM TRIEU MINH LOAN	1	3
1584	7984	BUI QUOC SON	1	3
1585	7985	MAI THI THANH THAO	2	3
1586	7992	NGUYEN TON KHANH	1	5
1587	7993	DUONG BICH NGOC	1	3
1588	8002	QUACH THAI SON	1	2
1589	8004	NGUYEN KHAC HUY	1	3
1590	8012	PHAN THI THANH NGUYEN	1	3
1591	8022	TRAN KIM PHUNG	1	5
1592	8025	NGUYEN THI THANH THUY	1	3
1593	8028	LAM HONG THAO	1	3
1594	8043	TRUONG TIEN DAT	2	3
1595	8045	TRAN BA DAT	1	1
1596	8046	NGUYEN THI HOANG YEN	1	2
1597	8048	TRAN GIANG LE VU	1	2
1598	8049	VO NGOC HA	1	1
1599	8051	NGUYEN THI HOA	2	4
1600	8062	LY TU MAI	2	4
1601	8063	NGUYEN THI PHUONG LIEN	2	5
1602	8066	NGUYEN HUU HUAN	1	2
1603	8071	UONG THI ANH NGUYET	1	2
1604	8072	NGUYEN THI LA	1	3
1605	8075	VO NGUYEN BINH	2	6
1606	8080	HA TUAN ANH	2	5
1607	8081	HUA VIET HUNG	3	6
1608	8095	HUYNH NGUYEN PHUONG LAN	1	3
1609	8096	NGUYEN THI KIM NGOC	1	3
1610	8104	TRUONG THI HUYEN	1	3
1611	8117	NGUYEN HA PHUONG	1	3
1612	8120	NGUYEN NGOC DONG	2	6
1613	8124	NGUYEN THANH AN	1	2
1614	8125	MAI NGOC BICH NGA	1	3
1615	8126	NGUYEN THI THU THUONG	2	3
1616	8134	NGUYEN HOANG ANH TRI	1	2
1617	8142	TRAN KHANH VAN	1	2
1618	8145	PHAM THI HUE	1	3
1619	8146	NGUYEN THI DUYEN	2	6

1620	8157	PHAN THI THUONG	1	3
1621	8157	NGUYEN THI THANH LAN	2	6
1622	8167	NGUYEN HUNG BINH	1	1
1623	8169	BUI THI HUONG GIANG	1	1
1624	8171	VU TAT HOI	1	3
1625	8176	NGUYEN TIEN NHAT LINH	2	2
1626	8180	NGUYEN VIET THANG	1	3
1627	8197	NGUYEN HAI HA	2	3
1628	8201	LE DUC MINH PHUC	2	5
1629	8211	CAO HUU TANH	1	1
1630	8215	PHAN MINH LUAN	2	3
1631	8216	PHAM NGOC MINH	1	1
1632	8217	HA ANH TUAN	1	2
1633	8221	PHAN THIEN HOANG	2	4
1634	8231	NGUYEN NGOC PHUONG	3	9
1635	8232	NGUYEN TRUNG HIEU	2	6
1636	8236	HOANG THI THUY CUC	1	2
1637	8238	LE MINH TRIET	1	3
1638	8239	LE HUY THONG	1	3
1639	8251	LUONG VAN HIEP	2	8
1640	8258	NGUYEN HOANG OANH	1	1
1641	8263	PHAM THI LAN	1	2
1642	8269	NGUYEN XUAN TU	1	2
1643	8297	NGUYEN CHI DUNG	1	2
1644	8298	VO PHAN DIEU ANH	1	3
1645	8299	DANG TRAN TIN	2	4
1646	8304	LAM TAN NHAN	3	6
1647	8309	BUI THI LIEN NGOC	1	2
1648	8310	BUI THI HOANG LE	2	2
1649	8316	HOANG THI THANH	2	5
1650	8321	NGUYEN BOI LAN	2	6
1651	8323	NGUYEN THI NGOC ANH	2	6
1652	8327	VU NGOC DUONG	1	3
1653	8328	NGUYEN MINH PHUONG	1	1
1654	8349	NGUYEN THUY DUONG	1	3
1655	8357	NGO QUOC TAM	1	3
1656	8364	NGUYEN THI CHINH	1	3
1657	8367	TRAN QUOC NHAN	1	2
1658	8368	NGUYEN THI THU HIEN	1	1
1659	8377	TRAN THANH TU	2	6
1660	8398	NGUYEN THI PHI YEN	2	3
1661	8401	DOAN ANH TU	3	6
1662	8404	NGUYEN KHANH VAN	2	6
1663	8406	LY THU THAO	2	4
1664	8407	PHAM QUOC ANH	1	2
1665	8408	NGUYEN VAN HA	1	2
1666	8418	NGUYEN MANH HUNG	1	1
1667	8433	NGUYEN HONG QUAN	2	6
1668	8442	TRAN GIA LINH	1	1
1669	8443	LE PHUC NAM	1	1

1670	8447	NGUYEN VAN SON	3	9
1671	8453	NGUYEN NHAT TAN	1	2
1672	8457	NGUYEN TRINH TUYET TRINH	1	1
1673	8462	NGUYEN HONG NHUT	1	3
1674	8463	DAO THI DUYEN	2	3
1675	8468	NGUYEN TRUNG THANH	1	2
1676	8471	NGUYEN MINH TRI	2	6
1677	8491	TRUONG THI THANH NHA	2	3
1678	8501	NGUYEN DUC HUNG	1	3
1679	8504	DUONG NHU HAI	1	1
1680	8505	NGUYEN THI PHUONG LIEN	2	2
1681	8506	DANG MINH NGOC	1	3
1682	8511	NGUYEN MINH HANG	1	3
1683	8514	HOANG MINH HA	1	3
1684	8523	LE THI HUYEN NGOC	1	3
1685	8523	LE HUU DOAN	1	2
1686	8523	LA MINH PHAT	1	2
1687	8526	PHAN HUY QUOC	1	3
1688	8530	PHAM THANH GIANG	2	6
1689	8534	NGUYEN THANH THAT	1	3
1690	8554	NGUYEN THI LE THUY	1	3
1691	8557	TRAN VAN PHUONG	1	4
1692	8567	NGUYEN TUAN VU	2	3
1693	8589	DO THI HUYEN	1	3
1694	8595	NGUYEN QUOC HAI	1	1
1695	8615	VU MINH HOA	2	7
1696	8616	TRAN TUAN ANH	2	6
1697	8620	VO THI HONG	1	3
1698	8622	PHAM THI NGOC THUONG	1	2
1699	8628	DOAN VAN HUNG	1	3
1700	8629	LE THI THANH HUE	1	3
1701	8640	NGUYEN QUANG THIEP	1	3
1702	8650	TRAN THI KIM NGAN	1	2
1703	8653	LE THI THU TRANG	1	3
1704	8663	NGUYEN HOANG GIANG	1	3
1705	8666	NGUYEN THI SANG	1	3
1706	8667	NGUYEN HUNG SON	1	3
1707	8667	VU DUY ANH	1	1
1708	8668	DAO THANH HA	1	3
1709	8669	NGUYEN THI THUY NGA	1	3
1710	8672	DUONG TIEN DUNG	1	3
1711	8684	NGUYEN THU HUYEN	1	3
1712	8686	NGUYEN THI THANH HUONG	2	5
1713	8687	NGUYEN MINH TRUONG	1	4
1714	8695	PHAM THI KIM DUNG	1	3
1715	8695	HUYNH CHI TAM	1	2
1716	8697	PHAM THI THOA	1	1
1717	8706	NGUYEN THI THUY LAN	2	5
1718	8723	DANG THI HUONG	1	2

1719	8724	NGUYEN THANH BINH	1	1
1720	8737	DOAN BAO TRUNG	1	3
1721	8738	CHUNG TIN NGHIA	1	1
1722	8752	NGUYEN THANH NHAN	2	6
1723	8755	PHAM DUC TUAN	2	2
1724	8759	PHAM TUAN ANH	1	1
1725	8767	TRAN DUONG ANH TUAN	1	4
1726	8768	MAI DUC TUAN	1	3
1727	8769	PHAM HUNG VI	1	2
1728	8772	NGUYEN H HOANG NGHIA NHAN	2	3
1729	8791	NGUYEN THI TAI	2	8
1730	8795	LUU HOANG DANG	1	3
1731	8798	TRAN THI THANH	2	5
1732	8806	NGUYEN THANH HUNG	1	2
1733	8813	PHAN THI HOAI	1	3
1734	8820	NGO THI MINH XUAN	1	2
1735	8821	NGUYEN NGO TUY LINH	1	1
1736	8824	NGUYEN ANH THAO	1	3
1737	8824	HOANG TIEN LA	2	4
1738	8825	LE THANH NHAN	1	1
1739	8828	LE PHUONG THANH	1	3
1740	8845	DINH MANH LINH	1	1
1741	8845	TRAN THI THANH TUNG	1	2
1742	8855	NGUYEN THI THUY LIEN	2	6
1743	8859	PHAN THI NGOC HA	1	1
1744	8863	LUU THI HUYEN TRANG	1	1
1745	8864	NGUYEN QUANG HIEU	1	3
1746	8868	NGUYEN THUY ANH	1	3
1747	8868	GRAHAM RONALD TURNER	1	4
1748	8879	LY HAI LONG	2	5
1749	8882	NGUYEN THI THANH HUYEN	2	6
1750	8895	PHAN THI KIM NGAN	1	3
1751	8904	LUU THANH HOAI	2	3
1752	8906	PHAM THI QUYNH DAO	2	4
1753	8927	TRUONG THI CAM VAN	2	6
1754	8930	NGUYEN VAN TOAN	1	3
1755	8930	LAM QUANG TRONG	1	3
1756	8932	HOANG THUY TIEN	2	3
1757	8938	PHAM THANH NAM	1	1
1758	8941	VO VAN PHU	1	3
1759	8944	DUONG VAN TRUONG	1	3
1760	8946	HOANG MAI LOAN	2	6
1761	8963	DANG TRAN THUY HANG	2	5
1762	8963	LE MINH KHANH	1	1
1763	8975	DO HUY THE	1	1
1764	8975	VU BINH QUANG	1	2
1765	8978	TRINH THI HIEN	1	1
1766	8985	NGUYEN THI HOANG ANH	1	2
1767	8987	NGUYEN THANH HAI	3	9

1768	8987	NGUYEN THI ANH	1	1
1769	8988	LE HUU PHUOC	1	2
1770	8989	NGUYEN THANH HIEU	2	3
1771	8991	LE THI NHUNG	1	3
1772	8993	LE QUANG CHINH	1	2
1773	8993	NGUYEN DUC THUC ANH	1	3
1774	9002	NGUYEN HOANG PHUONG THAO	1	3
1775	9014	LY NHAN KIET	1	3
1776	9015	NGUYEN THI THU TRANG	3	5
1777	9030	BUI SY THANH	1	3
1778	9030	NGUYEN THI THU HA	2	6
1779	9036	TRUONG THI MY HE	1	1
1780	9042	NGUYEN VAN TUNG	1	5
1781	9047	PHAN THANH QUY	2	7
1782	9056	TRAN THI THANG	1	1
1783	9067	TRAN QUANG CHUONG	1	3
1784	9073	DANG QUANG VINH	2	8
1785	9079	NGUYEN TRUNG TU	2	4
1786	9081	TRUONG GIA TIEN	1	2
1787	9083	NGUYEN MY VINH	1	2
1788	9101	NGUYEN MINH PHUC	1	4
1789	9105	HOANG MINH THANG	1	2
1790	9105	NGUYEN VAN THUAN	1	2
1791	9107	LUONG THI NHUNG	1	1
1792	9108	DO TU OANH	3	8
1793	9109	LE KHANH HOA	2	6
1794	9115	TANG MINH TUAN	1	3
1795	9115	PHAM THI THU THAO	1	3
1796	9122	NGUYEN NAM VINH	2	2
1797	9127	PHAN MINH TUAN	2	4
1798	9137	NGUYEN KIEU ANH	1	4
1799	9140	VO HOANG VU	1	3
1800	9144	BUI KHOA THI	1	3
1801	9148	LE THI TUYET TAM	2	3
1802	9153	DO THUY DUNG	1	1
1803	9156	TU MINH TUNG	1	3
1804	9173	DAO TRUONG VUONG	1	3
1805	9174	NGUYEN TRONG HIEN	2	2
1806	9186	TRUONG THANG MAN	2	6
1807	9199	DOAN ANH TUAN	2	6
1808	9202	LE NAM	1	3
1809	9206	NGO THI HUU	1	3
1810	9207	NGUYEN DUY DUONG	1	1
1811	9213	LE THI NGO	2	3
1812	9215	DAO DUC CHINH	1	2
1813	9216	NGO VAN XUAN	1	1
1814	9217	NGUYEN THI DOANH	1	3
1815	9222	LUC PHUONG ANH	1	3
1816	9224	NGUYEN TIEN DUNG	1	3

1817	9225	TRAN THI KIM YEN	1	3
1818	9228	DO THI HOAI THANH	1	3
1819	9243	DINH VAN PHUC	1	3
1820	9247	PHAN THI THAO	1	3
1821	9247	NGUYEN THI THU HUYEN	2	3
1822	9260	TRUONG THI NGOC DIEP	1	3
1823	9268	CUNG VAN ANH	2	5
1824	9271	NGUYEN DUY LAM	2	4
1825	9286	NGUYEN PHUONG VU	1	1
1826	9292	VO THANH SON	1	3
1827	9296	HA THI THANH TAM	1	1
1828	9312	PHAM THI LIEN HUONG	2	2
1829	9318	TRAN QUANG DUONG	2	4
1830	9320	TRAN HUU THIEP	1	1
1831	9321	BUI ANH NHAT	2	3
1832	9323	QUACH VAN HIEU	1	3
1833	9332	NGUYEN NGOC BICH	1	3
1834	9332	PHAN THI HAN	1	2
1835	9333	NGUYEN THI HUONG GIANG	1	4
1836	9334	LE THI THAO	1	1
1837	9350	TRUONG THANH PHUC	1	3
1838	9354	PHAM THI LE HANG	1	1
1839	9354	LE QUOC THINH	1	2
1840	9354	NGUYEN HA PHUONG	1	1
1841	9356	PHAN THI NGA	1	2
1842	9366	DINH NHAT TUAN	1	3
1843	9368	NGUYEN THAI	1	1
1844	9372	TRAN THI LICH SU	1	1
1845	9375	HA THI MUOT	2	6
1846	9379	LA QUOC KHANH	2	2
1847	9387	NGUYEN VAN GIANG	1	3
1848	9389	PHAM VAN TRUONG	1	5
1849	9390	PHAM VAN THANH	2	3
1850	9397	TRAN MINH DUC	1	1
1851	9405	LA NGUYEN HONG NHUNG	1	1
1852	9408	PHAM THI DUNG	1	1
1853	9417	NGUYEN TRUNG HIEU	2	6
1854	9424	NGUYEN VIET ANH	1	3
1855	9425	NGUYEN DUY HAI	1	1
1856	9427	LE THI LOAN	1	3
1857	9434	LUU THI DUNG	2	3
1858	9435	PHAM DUY KHANH	1	1
1859	9441	NGUYEN QUANG DUY	1	3
1860	9445	NGUYEN THI LE	2	4
1861	9446	NGUYEN TRUONG THANH	1	1
1862	9457	NGUYEN VAN THANH	1	3
1863	9460	TRAN THANH TUAN	1	1
1864	9465	NGUYEN THANH HUONG	1	2
1865	9472	CAO OANH DIEP	3	9

1866	9476	VU MINH DUC	2	4
1867	9476	TRIEU QUOC TUAN	1	3
1868	9477	NGUYEN TUAN CHUNG	1	1
1869	9480	LUU THI TRANG	1	2
1870	9490	TO TRONG TUAN	2	6
1871	9500	TRAN THI ANH THU	2	6
1872	9508	NGO THI KIM DUNG	3	9
1873	9517	TRAN THI NINH	2	5
1874	9525	NGUYEN TIEN PHUC	2	6
1875	9525	NGUYEN THI NGOC TRAM	2	8
1876	9527	NGUYEN NGOC TUYET	1	3
1877	9535	DAM THI LUC	1	2
1878	9544	TA QUANG HAO	1	3
1879	9562	LE DUC THANG	1	3
1880	9591	TRAN THI VAN	2	3
1881	9591	DO THANH XUAN	2	8
1882	9591	DO CONG VINH	1	4
1883	9599	HUYNH VO LAM	1	1
1884	9600	TRAN THI THUY VAN	1	3
1885	9606	NGUYEN PHAM HUYEN THI	1	1
1886	9608	TRAN QUANG LUC	2	4
1887	9610	DINH KY SINH	1	3
1888	9613	TRAN THI NGA	1	5
1889	9615	NGUYEN NU MINH NGOC	1	2
1890	9619	NGUYEN THI HONG HANH	1	3
1891	9619	HOANG THI BA	1	3
1892	9619	VU NGOC HUYEN TRAN	1	2
1893	9622	VO PHAM NHAT THANH	2	2
1894	9628	NGUYEN THI HUYEN	2	2
1895	9635	NGUYEN THI THU HUONG	1	3
1896	9636	PHAM THI THANH	2	4
1897	9639	NGUYEN XUAN DUONG	2	3
1898	9641	PHAM THI LAN THAO	2	5
1899	9644	PHAN VAN THANH	1	2
1900	9646	DUONG QUOC TRI	1	2
1901	9656	NGUYEN TRUONG LONG	2	6
1902	9656	DO THI CHAU HOA	2	6
1903	9661	THAN VAN HOAN	2	6
1904	9661	NGUYEN HOANG Y	1	2
1905	9674	LAM HONG ANH	2	2
1906	9678	NGUYEN THUY AN	1	1
1907	9684	PHAN NGOC ANH THU	2	6
1908	9685	DAU HONG HA	1	3
1909	9686	LE THI THU CUC	2	5
1910	9689	HO DAI DONG	2	6
1911	9706	TRAN HONG MAI	1	1
1912	9707	LE MINH DUNG	2	7
1913	9710	CAO HUONG GIANG	2	6
1914	9719	VO THI MAI HUONG	1	1
1915	9723	HO QUOC VY	1	2

1916	9729	BUI DUC QUYET	2	3
1917	9746	VAN THI BINH	3	9
1918	9754	DANG THI DIEM THAO	1	1
1919	9756	NGUYEN THANH TUNG	1	2
1920	9781	DANG THI THANH NHAN	1	3
1921	9792	NGUYEN THI NU	3	9
1922	9800	NGUYEN XUAN KHACH	2	5
1923	9807	DUONG THI HUYEN TRANG	2	6
1924	9809	NGUYEN THUY LINH	1	2
1925	9812	PHAM HOANG ANH	3	9
1926	9817	TRAN QUOC THACH	2	5
1927	9818	TRINH TRONG ANH	1	3
1928	9824	LE MINH TUAN	1	2
1929	9825	LE HOANG KHAI	1	1
1930	9826	HO THI MINH LOI	2	3
1931	9829	VU MANH TUAN	1	4
1932	9839	TRAN THI BACH PHUONG	1	1
1933	9840	VO THI HOAI VI	1	1
1934	9849	BAO THE VINH	1	3
1935	9856	NGUYEN NGOC DUNG	1	3
1936	9858	BUI THI HOANG DUNG	1	3
1937	9862	DOI THI TU ANH	2	6
1938	9869	DO NGOC HO	2	6
1939	9871	NGUYEN THI HIEU NHAN	2	4
1940	9878	DO THI LUONG	1	3
1941	9881	NGUYEN THI THANH TU	1	3
1942	9893	NGUYEN HOANG LAM	2	6
1943	9894	TRAN VAN NAM	1	3
1944	9895	TRAN QUANG NHAT	1	1
1945	9903	LUU HONG TRAM	1	4
1946	9926	NGUYEN HAI MAY	1	5
1947	9933	LE TIEN THINH	1	2
1948	9936	NGUYEN ANH DUC	1	3
1949	9938	NGUYEN THI HA VI	1	1
1950	9968	TRAN NHAT CUONG	1	1
1951	9969	NGUYEN THU HUONG	1	3
1952	9976	BUI THANH THUY	1	3
1953	9982	NGO THI LAN ANH	2	5
1954	9992	HO NGOC MINH THU	1	2